



Mục lục

SỰ KIỆN

- 3 Phát biểu bế mạc Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

- 13 PHÙNG HỮU PHÚ:

Nhận thức và giải quyết mối quan hệ nhà nước- thị trường- xã hội ở Việt Nam

- 32 VŨ VĂN HIỀN:

Đặc điểm và xu hướng phát triển của thời đại

- 48 NGUYỄN VĂN THẠO:

Nhận thức và giải quyết mối quan hệ giữa tuân theo các quy luật của kinh tế thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa

LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

63 ĐÀO QUANG VINH:

Giải quyết mâu thuẫn, xung đột xã hội hiện nay

THÔNG TIN-TƯ LIỆU

69 Kỳ họp thứ 13 Hội đồng Lý luận Trung ương

71 Tọa đàm khoa học "Một số vấn đề lý luận - thực tiễn về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng"



SỰ KIỆN

PHÁT BIỂU BẾ MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ 12 BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA XII CỦA TỔNG BÍ THƯ, CHỦ TỊCH NƯỚC NGUYỄN PHÚ TRỌNG

“Thưa các đồng chí Trung ương,
Thưa các đồng chí tham dự Hội nghị,

Sau 4 ngày làm việc khẩn trương, nghiêm túc, dân chủ, đoàn kết và trách nhiệm cao, Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương đã hoàn thành toàn bộ nội dung chương trình đề ra. Trung ương đã xem xét, quyết định Phương hướng công tác nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII; Phương hướng bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026; Tiêu chuẩn, số lượng và việc phân bổ đại biểu dự Đại hội XIII của

Đảng; đồng thời cho ý kiến về một số vấn đề quan trọng khác. Bộ Chính trị đã tiếp thu tối đa và giải trình những vấn đề còn có ý kiến khác nhau. Ban Chấp hành Trung ương đã nhất trí cao thông qua Nghị quyết Hội nghị. Sau đây, tôi xin thay mặt Bộ Chính trị phát biểu khái quát lại những kết quả chủ yếu của Hội nghị và nhấn mạnh thêm một số vấn đề để thống nhất lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện.

Một là, về phương hướng công tác nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII: Nhận thức sâu sắc ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác chuẩn bị nhân sự Đại hội lần thứ XIII của

Đảng, với tinh thần coi cán bộ và công tác cán bộ là “cái gốc của mọi công việc”, nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng, Ban Chấp hành Trung ương đã thảo luận kỹ lưỡng, đóng góp nhiều ý kiến tâm huyết, sâu sắc và thống nhất cao với Báo cáo của Bộ Chính trị trình Hội nghị. Cụ thể là:

Về yêu cầu xây dựng Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII, Trung ương nhấn mạnh: Những năm sắp tới, dự báo tình hình thế giới và khu vực sẽ tiếp tục có những diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó lường, tạo ra cả thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen; đặt ra nhiều vấn đề mới, yêu cầu mới to lớn đối với sự nghiệp đổi mới, phát triển đất nước và bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; các thế lực thù địch vẫn tìm mọi cách để phá hoại sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Tình hình

đó đòi hỏi Đảng ta, hơn bao giờ hết, phải thật sự vững vàng, giữ vững bản chất cách mạng và khoa học, gần bó máu thịt với nhân dân, được nhân dân tin cậy, yêu mến. Là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng giữa

Nhận thức sâu sắc ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác chuẩn bị nhân sự Đại hội lần thứ XIII của Đảng, với tinh thần coi cán bộ và công tác cán bộ là “cái gốc của mọi công việc”, nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng, Ban Chấp hành Trung ương đã thảo luận kỹ lưỡng, đóng góp nhiều ý kiến tâm huyết, sâu sắc và thống nhất cao với Báo cáo của Bộ Chính trị trình Hội nghị.

hai kỳ Đại hội, Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII phải là một tập thể thật sự đoàn kết, trong sạch, vững mạnh, thống nhất ý chí và hành động, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức trong sáng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; tiêu biểu về trí tuệ, có tầm nhìn chiến lược, có tư duy đổi mới, sáng tạo; tiêu biểu cho toàn Đảng về tinh chiến đấu, tính kỷ luật; gần bó mật thiết với nhân dân, biết

lắng nghe, tự phê bình và phê bình nghiêm túc, quy tụ được sự đoàn kết, thống nhất trong toàn Đảng, toàn dân; đủ uy tín, năng lực lãnh đạo đất nước trong thời kỳ mới.

Trung ương nhất trí việc xác định tiêu chuẩn Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII phải căn cứ vào tiêu chuẩn chung của cán bộ được quy định trong các nghị quyết của Đảng và đặc biệt chú trọng một số vấn đề sau:

- Có tinh thần yêu nước sâu sắc, có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tuyệt đối trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Cương lĩnh, đường lối của Đảng, Hiến pháp của Nhà nước và lợi ích của quốc gia - dân tộc; có ý chí chiến đấu cao, kiên quyết đấu tranh phản bác các quan điểm thù địch, sai trái, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; gương mẫu thực hiện nguyên tắc, kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nói đi đôi với làm, dám đương đầu với khó khăn, thử thách, quyết liệt trong hành động, làm việc có hiệu quả.

- Có phẩm chất đạo đức và lối sống trong sáng, gương mẫu, được cán bộ, đảng viên và nhân dân tín nhiệm; có tinh thần trách nhiệm cao, tận tụy với công việc; dám hy sinh lợi ích cá nhân vì lợi ích chung của Đảng, của đất nước. Bản thân không tham nhũng,

quan liêu, cơ hội, vụ lợi, tham vọng quyền lực và kiên quyết đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực, quan liêu, tham nhũng; không để vợ, chồng, con, người thân lợi dụng chức quyền để trục lợi; có ý thức giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, gương mẫu chấp hành sự phân công và nguyên tắc tổ chức, kỷ luật của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình; công minh, công bằng trong đánh giá, sử dụng cán bộ.

- Có trí tuệ, tầm nhìn, có trình độ để tham gia hoạch định đường lối, chính sách và sự lãnh đạo tập thể của Ban Chấp hành Trung ương; có năng lực cụ thể hoá và lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện thắng lợi đường lối, chính sách, nhiệm vụ của Đảng, chiến lược phát triển đất nước trong giai đoạn mới; qua thực tiễn thể hiện rõ là người có năng lực, sáng tạo, làm việc có hiệu quả, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm; đoàn kết, quy tụ, phát huy được đội ngũ cán bộ trong lĩnh vực, địa bàn được phân công, lãnh đạo cơ quan, đơn vị hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ được giao; có ý thức, trách nhiệm và khả năng tham

gia thảo luận, đóng góp vào các quyết định chung của Ban Chấp hành Trung ương; đủ sức khoẻ để hoàn thành nhiệm vụ.

Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư phải là những đồng chí thật sự tiêu biểu, mẫu mực của Ban Chấp hành Trung ương về bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, trí tuệ, ý chí chiến đấu, năng lực lãnh đạo, quản lý, ý thức tổ chức kỷ luật; có tầm nhìn và tư duy chiến lược, có khả năng phân tích, dự báo, tổng hợp, đề xuất những vấn đề mới một cách đúng đắn; có trình độ hiểu biết sâu sắc về lý luận chính trị, biết phát hiện và sử dụng người có đức có tài; là Ủy viên chính thức Ban Chấp hành Trung ương, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, còn trong độ tuổi theo quy định và đủ sức khoẻ để đảm đương nhiệm vụ.

Kiên quyết không để lọt vào Ban Chấp hành Trung ương những người có một trong các khuyết điểm sau: (1) Bản lĩnh chính trị không vững vàng; không kiên định đường lối, quan điểm của Đảng; có biểu hiện cơ hội chính trị, tham vọng quyền lực, xu nịnh, chạy chọt, tham nhũng, quan liêu, cục bộ, vận động cá nhân, phe cánh, lợi ích

nhóm; thiếu chính kiến, thấy đúng không bảo vệ, thấy sai không đấu tranh. (2) Vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, mị dân, chuyên quyền, độc đoán, không công bằng, công minh trong đánh giá, sử dụng cán bộ, trù dập người thẳng thắn đấu tranh, phê bình. (3) Để nội bộ mất đoàn kết nghiêm trọng hoặc để xảy ra tham nhũng, thất thoát, vụ việc tiêu cực lớn ở địa phương, cơ quan, đơn vị. (4) Không chịu nghiên cứu học hỏi; bảo thủ, trì trệ, làm việc kém hiệu quả, nói nhiều làm ít, nói không đi đôi với làm. (5) Ý thức kỷ luật kém, không chấp hành sự điều động, phân công của tổ chức, uy tín thấp. (6) Kê khai tài sản không trung thực, có biểu hiện giàu nhanh, nhiều nhà, nhiều đất, nhiều tài sản khác mà không giải trình rõ được nguồn gốc; bản thân hoặc vợ, chồng, con có lối sống thiếu gương mẫu, lợi dụng chức quyền để thu lợi bất chính. (7) Vi phạm quy định về lịch sử chính trị hoặc chính trị hiện nay.

Trên cơ sở bảo đảm tiêu chuẩn, Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII cần có số lượng và cơ cấu hợp lý để bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, có tính kế thừa, ổn định, đổi mới và phát triển.

Tăng cường số lượng Ủy viên Trung ương ở các vị trí, địa bàn, lĩnh vực công tác trọng yếu; chú ý tăng thêm tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số. Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII cần có 3 độ tuổi (dưới 50; 50 - 60 và từ 61 tuổi trở lên). Trường hợp đặc biệt nào cần phải cơ cấu vào Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư ngoài độ tuổi theo quy định thì Bộ Chính trị cần nhắc, trình Ban Chấp hành Trung ương xem xét, quyết định việc đề cử với Đại hội Đảng.

Về phương pháp và quy trình giới thiệu, lựa chọn nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII, Trung ương nhất trí cao với Báo cáo của Bộ Chính trị, trong đó có khâu giới thiệu của các cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trực thuộc Trung ương. Việc giới thiệu, lựa chọn nhân sự phải căn cứ vào tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định, nói chung phải trên cơ sở Quy hoạch Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và kết quả giới thiệu tín nhiệm cao của Trung ương, nhất là đối với các chức danh lãnh đạo chủ chốt của Đảng, Nhà nước; gắn kết chặt chẽ với việc sắp xếp, bố trí nhân

sự lãnh đạo các cơ quan đảng, nhà nước nhiệm kỳ 2021 - 2026 và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội nhiệm kỳ tới. Tiểu ban Nhân sự Đại hội và Bộ Chính trị cần chỉ đạo chặt chẽ để việc giới thiệu, lựa chọn nhân sự bảo đảm đúng quy định của Điều lệ Đảng, các quy định, quy chế của Trung ương, của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, bảo đảm vừa phát huy dân chủ, vừa tập trung thống nhất trong lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện đúng những chủ trương, biện pháp mà Trung ương đã quyết định. Đặc biệt, các đồng chí Ủy viên Trung ương phải gương mẫu, có tinh thần trách nhiệm rất cao, thật sự công tâm, khách quan, trong sáng, chấp hành nghiêm các nguyên tắc tổ chức, quy chế, quy định của Đảng trong quá trình giới thiệu, lựa chọn nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII, đặt sự nghiệp chung của Đảng, của dân tộc lên trên hết, trước hết. Kiên quyết chống các biểu hiện cơ hội, vận động cục bộ, phe cánh, lợi ích nhóm...; cảnh giác với những âm mưu của các thế lực thù địch tìm cách phá hoại, chia rẽ, gây rối nội bộ ta.

Các trường hợp có đơn, thư tố cáo,

khiếu nại hoặc phải xem xét về chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống... thì Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Tiểu ban Bảo vệ chính trị nội bộ Trung ương phối hợp chặt chẽ với các cơ quan hữu quan kiểm tra, rà soát kỹ, kết luận rõ trước khi Bộ Chính trị xem xét, quyết định. Việc tổng hợp ý kiến của các cấp ủy, tổ chức đảng, các cơ quan, đơn vị... phải được thực hiện theo một quy trình chặt chẽ, khách quan, khoa học.

Hai là, về phương hướng bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ tới, Ban Chấp hành Trung ương ghi nhận, biểu dương sự nỗ lực của Đảng đoàn Quốc hội và các cơ quan, đơn vị có liên quan đã khẩn trương nghiên cứu, tổng kết, xây dựng Đề án phương hướng bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026. Đồng tình về cơ bản với những đề xuất nêu trong Tờ trình của Đảng đoàn Quốc hội, Hội nghị nhấn mạnh: Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp lần này tiếp tục được tổ chức vào cùng một ngày trên phạm vi cả nước, trong bối cảnh toàn

Đảng, toàn dân và toàn quân ta tích cực triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, tiếp tục đẩy mạnh đổi mới toàn diện và đồng bộ, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa theo quy định của Hiến pháp năm 2013 và các luật về tổ chức bộ máy nhà nước mới được ban hành.

Để bảo đảm tổ chức thành công cuộc bầu cử, đáp ứng mục tiêu, yêu cầu đề ra, để ngày bầu cử thực sự là ngày hội của toàn dân, cần phát huy cao độ vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện của các cấp uỷ đảng, chính quyền và toàn hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở; sự hưởng ứng, tích cực tham gia, phát huy đầy đủ quyền và nghĩa vụ công dân của cử tri cả nước. Phấn đấu giới thiệu, lựa chọn bầu được những đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân thật sự tiêu biểu, xứng đáng đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân; bảo đảm đúng tiêu chuẩn, đủ số lượng, có cơ cấu hợp lý, trong đó lấy tiêu chuẩn, chất lượng đại biểu là ưu tiên hàng đầu, không vì cơ cấu mà hạ thấp tiêu chuẩn. Phấn đấu bầu đủ 500 đại biểu

Quốc hội và đạt tỉ lệ đại biểu Quốc hội chuyên trách.

Trong quá trình chuẩn bị và tiến hành bầu cử, phải quán triệt thực hiện nghiêm túc chủ trương của Đảng và Nhà nước về bố trí, sắp xếp đội ngũ cán bộ trong các cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương; gắn kết quả nhân sự đại hội đảng bộ các cấp và quy hoạch cán bộ với công tác chuẩn bị nhân sự đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

Tiêu chuẩn người ứng cử, đề cử bầu làm đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân phải căn cứ vào tiêu chuẩn được quy định tại Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, và tiêu chuẩn cán bộ được quy định trong các nghị quyết, quy định của Đảng. Ngoài những tiêu chuẩn chung, người ứng cử làm đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân chuyên trách còn phải đáp ứng các yêu cầu cụ thể về bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, trình độ học vấn, lĩnh vực chuyên môn, vị trí công tác và độ tuổi theo quy định của pháp luật về công chức, viên chức. Riêng đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội, cần đáp ứng yêu cầu cao về

phẩm chất chính trị, nắm vững đường lối, quan điểm của Đảng; am hiểu pháp luật và có năng lực xây dựng pháp luật; có trình độ chuyên môn sâu và kiến thức thực tiễn.

Trên cơ sở tổng kết, đúc rút kinh nghiệm việc tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các khóa gần đây và ý kiến đóng góp của Trung ương, nhất là về những hạn chế, khuyết điểm, cần có những điều chỉnh, bổ sung cụ thể, chặt chẽ các quy định về trách nhiệm, quyền hạn và sự phối hợp của các cơ quan, đơn vị phụ trách tổ chức bầu cử; quy trình đề cử, ứng cử; việc phân bổ người ứng cử đại biểu Quốc hội do Trung ương giới thiệu; việc thẩm định hồ sơ người tự ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân; việc tuyên truyền, vận động bầu cử; giải quyết khiếu nại, tố cáo... Đối với các trường hợp tự ứng cử, cũng phải có quy trình thật chặt chẽ, đúng quy định của Hiến pháp và pháp luật. Quy định rõ việc gì được làm, việc gì không được làm trong vận động bầu cử; tránh tình trạng “vận động” không lành mạnh.

Căn cứ vào Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần này, Bộ Chính trị sẽ

ban hành Chỉ thị; chỉ đạo Đảng đoàn Quốc hội khẩn trương hoàn chỉnh Đề án trình Quốc hội xem xét, quyết định để tổ chức thực hiện, bảo đảm chuẩn bị và tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Ba là, về việc phân bổ đại biểu dự Đại hội XIII của Đảng: Với kinh nghiệm thực tiễn tổ chức đại hội đảng ở các cấp, các đồng chí Ủy viên Trung ương đã đóng góp nhiều ý kiến cụ thể, xác đáng. Trung ương nhất trí cao với những nguyên tắc và các căn cứ phân bổ đại biểu và dự kiến số lượng phân bổ đại biểu đối với các đảng bộ trực thuộc Trung ương và giao cho Bộ Chính trị quyết định cụ thể việc phân bổ đại biểu. Các đảng bộ trực thuộc cần thực hiện nghiêm túc các quyết định của Trung ương, lựa chọn được các đại biểu thực sự xứng đáng, tiêu biểu, đại diện cho đảng bộ của mình đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

Bốn là, về kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2019: Ban Chấp hành Trung ương tán thành Báo cáo kiểm điểm

sự lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2019; đánh giá cao công tác chuẩn bị, quá trình tiến hành và kết quả kiểm điểm; cho rằng việc kiểm điểm đã được tiến hành nghiêm túc, cầu thị, đúng nguyên tắc. Trung ương khẳng định, Bộ Chính trị, Ban Bí thư là một tập thể lãnh đạo đoàn kết, thống nhất cao về chính trị, tư tưởng; kiên định mục tiêu, lý tưởng của Đảng, chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên quyết bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ, bảo vệ độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia. Bộ Chính trị, Ban Bí thư thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ và Quy chế làm việc, bảo đảm sự lãnh đạo tập thể, đồng thời phát huy được vai trò cá nhân trong phạm vi công tác được phân công. Sinh hoạt của Bộ Chính trị, Ban Bí thư dân chủ, thẳng thắn, giữ vững nguyên tắc, chế độ làm việc, chân thành và cầu thị.

Năm 2019, trong bối cảnh tình hình quốc tế và trong nước có những diễn biến phức tạp, khó lường, đất nước còn nhiều khó khăn, thách thức, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã luôn bám sát các quan điểm, đường

lỗi nêu trong Cương lĩnh, Chiến lược, Nghị quyết Đại hội toàn quốc của Đảng và tình hình thực tiễn để kịp thời có những chủ trương, quyết sách đúng đắn, lãnh đạo toàn Đảng, toàn dân, vượt qua khó khăn, thách thức, đạt được những thành tựu quan trọng trên tất cả các lĩnh vực về đối nội và đối ngoại. Đồng thời, Trung ương cũng chỉ ra những hạn chế, khuyết điểm của Bộ Chính trị, Ban Bí thư trong lãnh đạo, chỉ đạo; hoan nghênh việc Bộ Chính trị, Ban Bí thư nghiêm túc tự phê bình và phê bình, thẳng thắn nhận khuyết điểm trước Trung ương về những việc còn chưa làm được. Ban Chấp hành Trung ương yêu cầu Bộ Chính trị, Ban Bí thư tiếp thu ý kiến góp ý xác đáng của Trung ương để có những giải pháp đồng bộ, mạnh mẽ và quyết liệt hơn trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ của năm 2020 và những năm sắp tới.

Năm là, về công tác nhân sự: Thực hiện Kế hoạch số 11-KH/TW, ngày 06/11/2018 của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương đã tiến hành ghi phiếu giới thiệu nhân sự quy hoạch Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa

XIII theo đúng quy định của Đảng. Ban Chấp hành Trung ương đã bầu bổ sung 2 Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa XII. Cũng tại Hội nghị này, Ban Chấp hành Trung ương đã xem xét, quyết định thi hành kỷ luật bằng hình thức khai trừ ra khỏi Đảng đối với đồng chí Đô đốc Nguyễn Văn Hiến, nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Thứ trưởng Bộ Quốc phòng.

Thưa các đồng chí,

Từ đầu năm đến nay, đại dịch COVID-19 đã tác động sâu sắc, toàn diện tới mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội, để lại hậu quả rất nghiêm trọng đối với các quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam chúng ta. Nhờ có sự lãnh đạo nhạy bén, đúng đắn của Đảng và Nhà nước, sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt, kịp thời của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, sự vào cuộc đồng bộ, tích cực của cả hệ thống chính trị; sự đồng tình, hưởng ứng, ủng hộ mạnh mẽ của đồng bào, đồng chí, chiến sĩ cả nước và đồng bào ta ở nước ngoài, chúng ta đã khống chế, cơ bản kiểm soát, ngăn chặn được sự lây lan trong cộng đồng, hạn chế tối đa những thiệt hại, tổn

thất do đại dịch gây ra, đem lại niềm vui, niềm tin, niềm tự hào cho nhân dân cả nước, được thế giới ghi nhận và đánh giá cao. Ban Chấp hành Trung ương nhiệt liệt hoan nghênh, biểu dương và cảm ơn sâu sắc toàn thể đồng bào, đồng chí, chiến sĩ cả nước và đồng bào ta ở nước ngoài đã đoàn kết một lòng, thống nhất ý chí và hành động, thực hiện quyết liệt, hiệu quả những chủ trương của Đảng và Nhà nước, sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ban, ngành và địa phương. Việc chúng ta ngăn chặn và kiểm soát được đại dịch là một minh chứng hùng hồn khẳng định bản chất tốt đẹp của chế độ ta, của hệ thống chính trị ở nước ta, khẳng định truyền thống đoàn kết, lòng yêu nước, tình nhân ái và ý chí kiên cường của dân tộc ta, nhân dân ta; càng trong khó khăn, thử thách, bản chất và truyền thống đó càng được nhân lên gấp bội.

Tuy nhiên, chúng ta tuyệt nhiên không được chủ quan, tự mãn vì trước mắt nhiệm vụ còn rất khó khăn, nặng nề, tình hình còn diễn biến phức tạp, khó lường. Một mặt, chúng ta

phải tiếp tục theo dõi, nắm chắc diễn biến phức tạp của đại dịch để có những giải pháp ứng phó kịp thời, phải nhanh chóng khắc phục hậu quả của đại dịch, phục hồi sản xuất kinh doanh, ổn định việc làm, đời sống của nhân dân. Mặt khác, phải tập trung tháo gỡ khó khăn, tìm ra những giải pháp hữu hiệu để tập trung hoàn thành ở mức cao nhất các mục tiêu, nhiệm vụ của năm 2020.

Để nghị các đồng chí Ủy viên Trung ương hãy nêu cao hơn nữa tinh thần trách nhiệm trước Đảng, trước nhân dân và đất nước, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện thật tốt Nghị quyết Đại hội XII, các nghị quyết của Trung ương và Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần này. Đặc biệt là chủ động, tích cực tham gia chuẩn bị và tiến hành thật tốt đại hội đảng bộ các cấp và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

Tôi xin tuyên bố bế mạc Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII. Chúc các đồng chí mạnh khỏe, hoàn thành tốt trọng trách trước Đảng, trước nhân dân và đất nước.

Xin trân trọng cảm ơn!" ■



NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

NHẬN THỨC VÀ GIẢI QUYẾT QUAN HỆ NHÀ NƯỚC - THỊ TRƯỜNG - XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

● GS, TS PHÙNG HỮU PHÚ

Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương

Xuất phát từ yêu cầu của thực tiễn đất nước giữa những năm 80 của thế kỷ XX, trên cơ sở tổng kết sự sáng tạo của nhân dân trong sản xuất, kinh doanh và chăm chú, cầu thị nghiên cứu, nắm bắt xu thế phát triển của thế giới, kinh nghiệm thành công của các quốc gia trong khu vực, trên thế giới, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI Đảng Cộng sản Việt Nam đã khởi xướng công cuộc đổi mới. Trong quá trình gần 35 năm đổi mới, Đảng đã vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh gắn với tổng kết thực tiễn, xây dựng và từng bước hoàn thiện hệ thống lý luận về chủ

nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, trong đó có những điểm nhấn sáng tạo về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, về dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân. Trong nhận thức của Đảng, nhà nước, thị trường và dân chủ xã hội không tồn tại, vận động biệt lập mà có quan hệ mật thiết, tương tác với nhau, tạo thành mối quan hệ có tính qui luật giữa nhà nước - thị trường - xã hội trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Đây là một trong chín mối quan hệ lớn đã được Đảng khái quát ở tầm lý

luận trong Văn kiện Đại hội lần thứ XII của Đảng¹, được tiếp tục hoàn thiện trong Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa XII² và được nhận thức, thực hiện trong thực tiễn đổi mới. Nhận thức, thực hiện mối quan hệ này là quá trình lâu dài, không ngừng hoàn thiện, tương thích với trình độ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, với truyền thống lịch sử, cách mạng và văn hóa của dân tộc; vừa phản ánh xu thế phát triển chung, phổ biến của các nền kinh tế thị trường trên thế giới, vừa thể hiện đặc trưng, đặc sắc của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Lý giải tường minh về bản chất, tính chất, ý nghĩa của quan hệ nhà nước - thị trường - xã hội sẽ góp phần làm sáng rõ sự sáng tạo, tính đúng đắn trong đường lối phát triển đất nước của Đảng, cung cấp luận cứ phê phán những luận điệu sai trái, thù địch muốn xuyên tạc, phủ nhận đường lối và sự nghiệp đổi mới của Đảng, nhân dân ta.

1. Tính khách quan, biện chứng của quan hệ nhà nước - thị trường - xã hội và những thể nghiệm lịch sử

Từ rất sớm, các quốc gia lựa chọn

phát triển kinh tế thị trường đều phải nhận thức, giải quyết mối quan hệ cặp đôi, xuất hiện một cách khách quan giữa nhà nước và thị trường, sau đó là quan hệ cặp ba nhà nước - thị trường - xã hội. Đây là mối quan hệ cơ bản, bao trùm, xuyên suốt giữa ba thực thể quan trọng nhất trong đời sống kinh tế - xã hội của một quốc gia phát triển kinh tế thị trường; là quan hệ tương tác, cộng sinh, tùy thuộc và bổ trợ lẫn nhau, tạo thành nền tảng bảo đảm sự phát triển bền vững của quốc gia. Mối quan hệ này bắt nguồn từ chức năng, khả năng, hạn chế vốn có của nhà nước, thị trường, xã hội và từ sự vận động khách quan của hình thái kinh tế - xã hội theo qui luật về sự tương thích giữa hạ tầng cơ sở và thượng tầng kiến trúc, sự phù hợp giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất.

Nhà nước với tư cách là thiết chế chính trị đặc biệt, có chức năng kinh tế, xã hội, và do vậy, mặc nhiên có quan hệ thường xuyên với thị trường, xã hội. Nhà nước, thông qua hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách, tổ chức bộ máy, đội ngũ công chức và các nguồn lực nắm trong tay, tạo điều kiện hoàn thiện và định hướng phát

triển kinh tế thị trường lành mạnh, hiệu quả, quản lý phát triển xã hội hài hòa, bền vững. Tuy nhiên, nhà nước không phải là một thực thể toàn năng, mà cũng tiềm ẩn những hạn chế về nguồn lực, năng lực, không thể bao quát hết mọi lĩnh vực vốn rất phức tạp, đầy biến động của thị trường và không thể đáp ứng đầy đủ mọi nhu cầu rất rộng lớn, đa dạng của xã hội. Thêm nữa, bản thân nhà nước cũng luôn tiềm ẩn nguy cơ tha hóa về quyền lực và sự suy thoái, biến chất của một bộ phận công chức; nguy cơ xuất hiện sự mâu thuẫn giữa quyền lực bị tha hóa với mặt trái của thị trường và tiêu cực xã hội, dẫn đến sự bất lực của nhà nước, làm biến dạng các qui luật thị trường và kìm hãm phát triển xã hội. Như vậy, nhà nước với chức năng và vai trò của mình có thể thúc đẩy thị trường phát triển hoàn hảo, phát huy mặt tích cực của thị trường; tạo hành lang pháp lý và các thiết chế cần thiết để xã hội phát triển bền vững, lành mạnh. Mặt khác, nhà nước cần có sự tiếp sức các nguồn lực và tạo những tiền đề vật chất của thị trường để hoạt động, hoàn thiện; cần có sự bổ sung các nguồn lực xã hội, sự tham gia của

xã hội trong hoạt động kinh tế, nhất là cung ứng dịch vụ công, sự giám sát, phản biện xã hội... để bù đắp những thiếu hụt về nguồn lực và khắc chế những hạn chế, bất cập cùng nguy cơ bị tha hóa.

Thị trường bao gồm các loại thị trường, các yếu tố thị trường, các chủ thể kinh tế, hình thành một cách khách quan, vận động theo qui luật giá trị, cung cầu, cạnh tranh, lưu thông tiền tệ, giá trị thặng dư... Thị trường là không gian tương tác, giao dịch, mua bán giữa các chủ thể (nhà nước, doanh nghiệp, người dân) trong việc hình thành giá cả, phân bổ tài nguyên, xác định cơ cấu và khối lượng sản xuất. Thị trường tạo ra xung lực, động lực kích thích lao động, sáng tạo, làm sinh động và sôi động hoạt động của nhà nước, làm phong phú diện mạo và sức sống xã hội. Với ý nghĩa đó thị trường đánh dấu bước phát triển về chất trong đời sống sản xuất của con người; kinh tế thị trường là thành tựu của văn minh nhân loại. Tuy nhiên, thị trường không phải là chủ thể vạn năng, nó cũng chứa đựng nhiều hạn chế, khuyết tật, rủi ro. Thị trường không

thể tự thân phát triển thành hoàn thiện, không đủ năng lực đáp ứng đầy đủ các yêu cầu xã hội và luôn luôn tiềm ẩn nguy cơ mất ổn định, khủng hoảng do phát triển một cách tự phát. Mặt khác, bị chi phối bởi nguyên tắc tối đa hóa lợi nhuận, thị trường là tác nhân tiềm ẩn làm tha hóa quyền lực nhà nước và gây ra những hệ lụy xã hội, đặc biệt là tình trạng phân cực giàu nghèo, phân hóa xã hội, làm gia tăng bất bình đẳng, mâu thuẫn, xung đột xã hội. Do vậy, để phát triển, phát huy vai trò tích cực, bù đắp, khắc phục những khiếm khuyết, rủi ro, thất bại, thị trường không thể thiếu sự định hướng, dẫn dắt, điều tiết, bảo trợ của nhà nước, sự vào cuộc, hỗ trợ, giám sát của xã hội.

Xã hội là không gian kết nối người dân trong các mối quan hệ gia đình, cộng đồng, tổ chức; là không gian hoạt động của nhà nước, thị trường, do vậy môi trường xã hội, các thành tố xã hội có quan hệ và tác động hai chiều đối với nhà nước, thị trường. Xã hội là nền tảng, là chỗ dựa và sức mạnh của nhà nước, có khả năng bổ sung nguồn lực, hỗ trợ hoạt động, tham gia quản lý, xây dựng, giám sát

nhà nước, giúp nhà nước hoàn thành chức năng, sứ mệnh của mình. Xã hội thông qua người dân và các thiết chế xã hội là chủ thể quan trọng góp phần cung cấp đầu vào (chủ thể sản xuất, kinh doanh) và giải quyết đầu ra (tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ...) làm cho thị trường phát triển, hoàn thiện. Xã hội thực hiện vai trò giám sát, điều chỉnh những hoạt động không hợp lý, phi hiệu quả và ngăn ngừa những tác động tự phát, tiêu cực của thị trường (biểu hiện qua hoạt động của doanh nghiệp); góp phần lành mạnh hóa quan hệ nhà nước - thị trường. Tuy nhiên, xã hội cũng tiềm ẩn những khuynh hướng vận động tự phát và cũng dễ bị tổn thương trước những biến động, rủi ro trong đời sống chính trị, kinh tế và sự tác động của môi trường, do vậy rất cần sự tổ chức, kết nối, bảo đảm và bảo vệ của nhà nước. Xã hội cũng chỉ có thể phát huy sức mạnh sáng tạo để ngày càng sung túc, phát triển đầy đủ, toàn diện hơn thông qua các hoạt động gắn với thị trường.

Như vậy, quan hệ nhà nước - thị trường - xã hội là mối quan hệ khách quan, rất phức tạp, đan bện, tương tác

lẫn nhau trên nhiều bình diện, không chỉ kinh tế mà cả chính trị, xã hội, văn hóa. Mỗi quan hệ này tồn tại lâu dài, không nhất thành bất biến, mà thay đổi tùy thuộc vào trình độ phát triển của từng quốc gia trong mỗi giai đoạn phát triển. Việc nhận thức và giải mối quyết quan hệ này cũng không giống nhau, không có một khuôn mẫu chung cho tất cả các quốc gia mà tùy thuộc vào bản chất của chế độ xã hội, vào đặc điểm, truyền thống lịch sử, văn hóa, tâm lý cộng đồng, phong tục, tập quán của mỗi nước hoặc một nhóm nước có nhiều điểm tương đồng. Nhìn lại lịch sử, từ khi thị trường ra đời đến nay, các nhà nghiên cứu, đặc biệt là các nhà kinh tế học đã nỗ lực tiếp cận, phân tích bản chất, đặc điểm quan hệ nhà nước - thị trường, tiếp đó là quan hệ nhà nước - thị trường - xã hội nhằm tìm chọn giải pháp phù hợp, xử lý hiệu quả mối quan hệ này với mong muốn ba chủ thể có thể phát huy cùng chiều mặt tích cực, khắc chế mặt tiêu cực dẫn đến kìm hãm, triệt tiêu nhau. Nhiều trường phái kinh tế đã lần lượt ra đời, được đưa vào thể nghiệm, kiểm chứng trong thực tiễn.

Khi thị trường mới hình thành ở các nước tư bản phương Tây, phá vỡ sự khép kín của kinh tế tự nhiên, tạo sự phát triển đột phá trong sản xuất, trường phái kinh tế thị trường cổ điển đã tuyệt đối hóa vai trò thị trường, xem đó là “bàn tay vô hình” vạn năng; vai trò của nhà nước bị thu hẹp lại. Cuộc đại khủng hoảng 1929-1933 đã bộc lộ những khuyết tật, thất bại của thị trường, các nhà kinh tế học lại chuyển sang đề cao vai trò quản lý của nhà nước - “bàn tay hữu hình”. Từ cuối thập niên 30 đến thập niên 60, nhà nước can dự sâu vào mọi phương diện của nền kinh tế (giá cả, lao động, tài chính, thị trường hối đoái...)³. Việc đề cao, nhấn mạnh vai trò của nhà nước không phát huy tác dụng được bao lâu thì cuộc khủng hoảng giá dầu năm 1973, khủng hoảng nợ những năm 80 buộc một số tổ chức kinh tế quốc tế (IFM, WB...) phải điều chỉnh, dẫn đến Đồng thuận Washington⁴, trở lại đề cao vai trò thị trường. Đồng thuận Washington không mấy hấp dẫn. Sự ám ảnh của cuộc đại khủng hoảng 1929-1933 đã làm cho nhiều nhà kinh tế học cảnh giác, muốn tìm một hướng tiếp cận mới. Trường phái

kinh tế thị trường hỗn hợp với khuynh hướng đề cao đồng thời cả nhà nước - “bàn tay hữu hình” và thị trường - “bàn tay vô hình” ra đời, có sức lan tỏa rộng, nhất là sau cuộc khủng hoảng tài chính, suy giảm kinh tế toàn cầu 2008-2009. Cũng từ nửa cuối thế kỷ XX, một số học giả, một số quốc gia nhận thấy, dường như quan hệ nhà nước - thị trường chỉ có thể phát huy hiệu quả nếu có sự tham dự của chủ thể thứ ba - xã hội. Khuynh hướng này gia tăng khi Liên hợp quốc khởi xướng định hướng phát triển bền vững với ba trụ cột: kinh tế - xã hội - môi trường. Mô hình kinh tế thị trường xã hội, nhà nước phúc lợi, xã hội dân sự ở một số nước Tây Âu, Bắc Âu được quan tâm, đề cập nhiều. Tuy nhiên, việc quá nhấn mạnh vai trò xã hội, những lợi ích xã hội mà không tính đến đầy đủ khả năng của nhà nước, vai trò thị trường cũng dẫn đến tình trạng quá tải, kìm hãm phát triển và dẫn đến những rủi ro, buộc các nước theo mô hình kinh tế thị trường xã hội, nhà nước phúc lợi, xã hội dân sự phải điều chỉnh⁵.

Điểm lại lịch sử để thấy một thực tế, các quốc gia đi vào kinh tế thị

trường đã phải trải qua cuộc hành trình hàng trăm năm để nhận thức và thử nghiệm các phương thức giải quyết mối quan hệ nhà nước - thị trường - xã hội. Đó là một quá trình không mấy dễ dàng, thành công có, thất bại cay đắng có, và cho đến bây giờ câu hỏi kéo dài nhiều thế kỷ vẫn chưa có lời giải đáp tối ưu. Thực tế lịch sử cho thấy, không có khuôn mẫu nhận thức, phương thức giải quyết quan hệ nhà nước - thị trường - xã hội có thể áp dụng cho mọi quốc gia. Mỗi quốc gia, trên cơ sở nắm bắt xu thế chung, tham chiếu kinh nghiệm của nhiều nước, phải tự nghiên cứu, thử nghiệm để không ngừng hoàn thiện nhận thức, thực hiện sáng tạo các phương thức hợp lý để giải quyết hiệu quả quan hệ nhà nước - thị trường - xã hội phù hợp với điều kiện của nước mình.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam từng bước nhận thức và giải quyết hiệu quả quan hệ nhà nước - thị trường - xã hội - sự thật không thể xuyên tạc, phủ nhận

Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo công cuộc đổi mới bắt đầu từ đổi mới tư duy, trong đó rất

quan trọng là tư duy kinh tế. Từ chỗ phủ định thị trường, xem kinh tế thị trường là sản phẩm của chủ nghĩa tư bản, Đảng đi đến nhận thức kinh tế thị trường là thành quả của văn minh nhân loại; phát triển kinh tế thị trường là phương tiện cần thiết để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Từ Đại hội lần thứ IX, Đảng khẳng định phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế tổng quát trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Kiên định mục tiêu đi lên chủ nghĩa xã hội, nắm chắc điều kiện chính trị, kinh tế, xã hội của đất nước, Đảng nhất quán quan niệm về bản chất của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đó là “nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản; vừa vận động theo những quy luật của kinh tế thị trường, vừa được dẫn dắt, chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của chủ nghĩa xã hội, trong đó, cơ chế thị trường được vận dụng đầy đủ, linh hoạt để phát huy mạnh mẽ, có hiệu quả mọi nguồn lực nhằm phát triển nhanh, bền vững nền kinh tế;

khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xóa đói, giảm nghèo, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh...”⁶.

Những nhận thức nền tảng, nhất quán của Đảng về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã định hướng cho việc giải quyết từng bước, hợp lý, hiệu quả quan hệ nhà nước - thị trường - xã hội phù hợp với điều kiện Việt Nam. Mặc dù, đến Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, quan hệ nhà nước - thị trường - xã hội mới chính thức được đề cập trong Văn kiện của Đảng, nhưng những định hướng cơ bản cho việc giải quyết mối quan hệ này đã hình thành từ sớm và từng bước được hoàn thiện trong quá trình đổi mới.

Đối với Nhà nước, ngay từ những năm đầu đổi mới, Đảng đã nhận rõ, phải từng bước chuyển nhà nước sang chức năng quản lý nhà nước, khắc phục dần sự can thiệp vào điều hành sản xuất kinh doanh của cơ sở⁷. Đại hội lần thứ VIII của Đảng nhấn mạnh: Thực hiện đúng chức năng quản lý nhà nước về kinh tế và chủ sở hữu tài sản của Nhà nước, đồng thời tôn trọng và phát huy quyền tự chủ

kinh doanh của các doanh nghiệp⁸. Cùng với quá trình đổi mới, nhận thức của Đảng về vai trò của Nhà nước và quan hệ nhà nước - thị trường ngày càng được làm rõ hơn. Văn kiện Đại hội lần thứ X của Đảng xác định: Nhà nước tập trung làm tốt chức năng định hướng phát triển bằng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách trên cơ sở tôn trọng, tuân theo các nguyên tắc của thị trường; tạo môi trường thuận lợi để phát huy các nguồn lực của xã hội cho phát triển; bảo đảm tính bền vững và tích cực của cân đối vĩ mô, hạn chế các rủi ro và tác động tiêu cực của kinh tế thị trường; thực hiện quản lý nhà nước bằng hệ thống pháp luật, giảm tối đa sự can thiệp hành chính vào hoạt động của thị trường, doanh nghiệp⁹. Đến nhiệm kỳ Đại hội XII, nhận thức của Đảng về vai trò Nhà nước, về quan hệ nhà nước - thị trường - xã hội trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có bước tiến quan trọng: Nhà nước đóng vai trò định hướng, xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, minh bạch và lành mạnh, sử dụng các

công cụ, chính sách, nguồn lực của Nhà nước để định hướng và điều tiết nền kinh tế, thúc đẩy sản xuất kinh doanh, bảo vệ môi trường, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển. Phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong phát triển kinh tế - xã hội¹⁰.

Về thị trường, từ khi chủ trương phát triển kinh tế thị trường, Đảng luôn nhấn mạnh phải tôn trọng và tuân theo quy luật khách quan của thị trường; tạo điều kiện để thị trường phát triển, ngày càng đầy đủ, hoàn thiện theo hướng hiện đại, hội nhập với các loại thị trường, các yếu tố thị trường, thật sự là sân chơi bình đẳng của các chủ thể, các thành phần kinh tế. Thị trường đóng vai trò chủ yếu trong huy động và phân bổ có hiệu quả các nguồn lực phát triển; là động lực chủ yếu để giải phóng sức sản xuất. Các nguồn lực nhà nước được phân bổ theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phải phù hợp với cơ chế thị trường¹¹. Thị trường, cơ chế thị trường là cơ sở xác định giá các hàng hóa, dịch vụ thiết yếu.

Về xã hội, nhận thức sâu sắc dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm

chủ của nhân dân là bản chất của chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa, bước vào thời kỳ đổi mới, Đảng nhất quán chủ trương đặt con người vào vị trí trung tâm của chiến lược phát triển; nhân dân - chủ thể của xã hội chính là chủ thể phát triển kinh tế thị trường và chủ thể thụ hưởng thành quả của kinh tế thị trường; là chủ thể tham gia xây dựng, đóng góp ý kiến, phản biện xã hội và giám sát công việc của Đảng, Nhà nước, nhất là về các chính sách kinh tế, xã hội, về quy hoạch, kế hoạch, chương trình và dự án phát triển quan trọng; thực hiện qui chế dân chủ ở cơ sở “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. Các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và người dân chủ động phát huy vai trò trong việc quản lý và tổ chức đời sống cộng đồng theo quy định của pháp luật¹². Các hội, hiệp hội nghề nghiệp, các doanh nghiệp xã hội, các cơ sở trợ giúp xã hội, quỹ xã hội... tham gia cung ứng các dịch vụ xã hội công ích, giúp nhà nước giám sát, điều tiết thị trường, góp phần bảo vệ, bảo đảm lợi ích thiết yếu của các thành viên xã hội, đặc biệt là người lao động và các tầng lớp dễ bị tổn

thương trước những rủi ro, thất bại của thị trường.

Những nhận thức ở tầm đường lối, chủ trương của Đảng đã được Nhà nước thể chế hóa bằng hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách, qua đó phân định ngày càng rõ, hợp lý hơn chức năng, vai trò và quan hệ giữa ba chủ thể nhà nước - thị trường - xã hội. Nhà nước chuyển dần từ chức năng quản lý trực tiếp, can dự, chỉ huy sang chức năng kiến tạo hành lang pháp lý, môi trường sản xuất kinh doanh, phát triển xã hội; đổi mới hoạt động lập pháp, cải cách hành chính, cải cách tư pháp, tinh gọn bộ máy, xây dựng đội ngũ công chức, hướng mọi hoạt động phục vụ thiết thực yêu cầu chính đáng, hợp pháp của nhân dân, doanh nghiệp. Thị trường với các loại thị trường, yếu tố thị trường ngày càng phát triển, hoàn thiện bao gồm nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo, kinh tế tập thể, hợp tác xã ngày càng phát triển, kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng, kinh tế hỗn hợp đang từng bước hình thành. Các quy luật thị trường được tôn trọng, phát huy theo

chiều hướng tích cực, tạo môi trường hợp tác, cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh giữa các chủ thể kinh tế trên cơ sở pháp luật. Thị trường từng bước phát huy vai trò quan trọng trong phân bổ các nguồn lực; giải phóng, thúc đẩy sự phát triển của lực lượng sản xuất; xác định giá cả... góp phần tăng cường tiềm lực, qui mô của nền kinh tế, cải thiện đời sống của nhân dân. Xã hội, thông qua người dân, cộng đồng, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội, nghề nghiệp... phát huy ngày càng tốt hơn tính tích cực chính trị - xã hội, quyền làm chủ, vai trò tự quản, tham gia có hiệu quả vào quá trình xây dựng, giám sát nhà nước, thị trường; thúc đẩy sản xuất kinh doanh; xây dựng, lành mạnh hóa quan hệ xã hội, quan hệ lao động; góp phần bảo đảm, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng, hợp pháp của con người, cộng đồng... Sự phát triển, hoàn thiện của ba chủ thể nhà nước, thị trường, xã hội và việc nhận thức, giải quyết từng bước có hiệu quả quan hệ giữa ba chủ thể này là một trong những nhân tố góp phần trực tiếp tạo nên những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của công cuộc đổi mới ở Việt

Nam trong gần 35 năm qua, nhất là trong 10 năm trở lại đây.

Với ý đồ chống phá Đảng Cộng sản Việt Nam và sự nghiệp đổi mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị bất chấp phải trái, trắng đen, luôn tìm mọi cách xuyên tạc, phủ nhận đường lối của Đảng, trong đó đường lối phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và quan hệ nhà nước - thị trường - xã hội ở Việt Nam là một trong những trọng điểm bị bóp méo, xuyên tạc. Đồng thời với luận điệu được lặp đi lặp lại trong thời gian dài về sự đối lập, như nước với lửa, không thể tương dung giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa, những năm gần đây, các thế lực thù địch, chống đối tập trung khoét sâu, thổi phồng những mặt còn hạn chế, thiếu sót trong quá trình vận hành kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam để xuyên tạc, đả phá quan hệ nhà nước - thị trường - xã hội. Họ cho rằng, ở Việt Nam, quan hệ nhà nước - thị trường - xã hội là quan hệ hình thức, phi hiệu quả, chỉ phục vụ lợi ích cục bộ và đặc quyền, đặc lợi của Đảng

Cộng sản. Theo họ, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa không dựa trên nguyên tắc “tam quyền phân lập” thì quyền lực sẽ bị thao túng, tha hóa, là chiêu bài để Đảng Cộng sản thực hiện độc tài toàn trị!; kinh tế thị trường không dựa trên nền tảng sở hữu tư nhân, kinh tế tư nhân mà lấy sở hữu toàn dân, lấy kinh tế nhà nước làm nền tảng, chủ đạo chính là tạo mảnh đất lợi ích béo bở để quan chức của đảng, nhà nước vơ vét, tham nhũng; xã hội Việt Nam không phải là “xã hội dân sự”, không có những tổ chức đối trọng với đảng, nhà nước nên không có dân chủ thật sự, tất cả do đảng, nhà nước giật dây, chi phối!?. Họ nhấn mạnh, Việt Nam chỉ có thể giải quyết hiệu quả quan hệ nhà nước - thị trường - xã hội, tạo nên sự phát triển bứt phá nếu học theo mô hình, kinh nghiệm phương Tây: nhà nước pháp quyền theo nguyên tắc tam quyền phân lập - thị trường tự do trên nền tảng sở hữu tư nhân, kinh tế tư nhân - xã hội dân sự, đề cao vai trò thể chế đa nguyên và các tổ chức phi quan phương!?

Xét từ phương diện nhận thức lý luận và thực tiễn, có thể chỉ ra sự lừa

mị đầy ác ý của những luận điệu này.

Trước hết, như phần trên đã phân tích, không có sẵn khuôn mẫu về mô hình, phương thức giải quyết quan hệ nhà nước - thị trường - xã hội phù hợp với mọi quốc gia. Do tính chất rất phức tạp, phong phú của mối quan hệ này, các quốc gia cần tham chiếu xu hướng, kinh nghiệm có tính phổ biến ở các quốc gia khác để tìm chọn cho mình phương thức xử lý hiệu quả quan hệ giữa ba thực thể nhà nước - thị trường - xã hội. Không thể áp đặt kinh nghiệm, phương thức xử lý của nước này vào điều kiện cụ thể của nước khác và, Việt Nam làm không giống như các nước phương Tây không thể quy kết một cách võ đoán là Việt Nam sai. Một cao tăng Tây Tạng có câu nói mang tính triết lý rất sâu sắc: “Người ta đi những con đường khác nhau để tìm kiếm thành công và hạnh phúc. Chỉ vì họ không đi con đường của bạn không có nghĩa là họ lạc lối”¹³.

Thứ hai, Đảng Cộng sản Việt Nam nhận thức và thực hiện quan hệ nhà nước - thị trường - xã hội xuất phát từ đặc điểm chính trị, kinh tế, xã hội của Việt Nam và phù hợp với xu thế chung

của thế giới. Đường lối phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nói chung, việc nhận thức, giải quyết quan hệ nhà nước - thị trường - xã hội ở Việt Nam nói riêng, là một bộ phận hữu cơ của đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Nhà nước, thị trường, xã hội ở Việt Nam và quan hệ giữa ba thực thể này vừa có những đặc trưng chung mang tính phổ biến, vừa có những đặc điểm, sắc thái riêng do lịch sử chính trị, đặc điểm kinh tế, xã hội của đất nước quy định.

Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân dưới sự lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam. Quá trình hình thành, phát triển của Nhà nước gắn liền với sự lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản; quyền lực nhà nước là thống nhất, sự vận hành của Nhà nước theo nguyên tắc phân công, phối hợp trên cơ sở mục tiêu thống nhất, lợi ích thống nhất, không bị chi phối bởi đường lối chính trị và lợi ích khác nhau của nhiều đảng chính trị như ở

phương Tây. Trong quá trình đổi mới, để làm tốt chức năng quản lý kinh tế, xã hội phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế thị trường, Nhà nước đề cao nguyên tắc kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp; phân biệt quản lý nhà nước với quản lý sản xuất kinh doanh, tách bạch chức năng quản lý kinh tế vĩ mô với chức năng chủ sở hữu tài sản nhà nước, doanh nghiệp nhà nước; tách trách nhiệm sản xuất kinh doanh với trách nhiệm xã hội; từng bước xóa bỏ “bộ chủ quản”, “chính quyền chủ quản” đối với doanh nghiệp nhà nước; thực hiện cơ chế giá thị trường... Nhà nước hoàn thiện cơ chế kinh tế thị trường, tạo lập môi trường hợp tác, cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh giữa các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp; kiên quyết chống độc quyền, chống tham nhũng, lãng phí, phát hiện, xử lý nghiêm minh những công chức nhà nước lạm dụng chức quyền cấu kết với doanh nghiệp để trục lợi... Nhà nước xây dựng cơ chế, chính sách để nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội, nghề nghiệp phát huy quyền làm chủ, quyền tự chủ trong

các hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội; chăm lo an sinh xã hội, phúc lợi xã hội. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam tuy không xây dựng, vận hành theo mô hình “tam quyền phân lập”, nhưng đang đổi mới mạnh mẽ theo hướng kiến tạo, liên chính, phục vụ nhân dân, doanh nghiệp, giải quyết ngày càng hiệu quả quan hệ với thị trường, xã hội.

Thị trường ở Việt Nam được hình thành trên cơ sở nền kinh tế tập trung, kế hoạch hóa, khép kín với hai thành phần kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể. Trong quá trình thực hiện công cuộc đổi mới, đồng thời với việc duy trì, đổi mới kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, doanh nghiệp nhà nước, hợp tác xã - là những nhân tố vốn đã tồn tại lâu dài, thị trường ở Việt Nam ngày càng mở rộng, phát triển với sự tham gia sôi động của kinh tế tư nhân, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài¹⁴. Các loại thị trường, các yếu tố thị trường ngày càng phát triển, đồng bộ hơn theo hướng hiện đại, hội nhập; các hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế, các qui luật thị trường được tôn trọng và phát huy tác động tích cực; phương thức đối tác công -

tư được thực hiện có hiệu quả; sự tham gia, liên kết giữa các chủ thể nhà nước - doanh nghiệp - người dân ngày càng mở rộng, góp phần quan trọng vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Những mặt hạn chế, tiêu cực của thị trường từng bước được khắc phục theo sự dẫn dắt, điều tiết của nhà nước và sự giám sát của xã hội. Đến năm 2018 đã có hơn 69 quốc gia công nhận Việt Nam có kinh tế thị trường. Diện mạo và sức sống của thị trường ở Việt Nam đâu có nghèo nàn, cứng nhắc, đơn điệu và đâu có phải là mảnh đất béo bở để vụ lợi của các quan chức cộng sản như sự vụ cáo của những lực lượng thù địch, chống đối.

Trong suốt 90 năm qua, kể từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, lãnh đạo cách mạng, người dân, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội, nghề nghiệp... đã trở thành các thành viên của Mặt trận dân tộc thống nhất do Đảng tổ chức, dẫn dắt; trở thành chủ thể quan trọng, đóng góp to lớn vào công cuộc giành độc lập dân tộc, xây dựng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đặc điểm và truyền thống cách mạng đó cùng với truyền thống đoàn kết dân tộc được vun đắp từ

hàng ngàn năm dựng nước, giữ nước, làm cho xã hội Việt Nam định hình bền vững mối quan hệ tự nhiên giữa các tổ chức xã hội với Nhà nước cách mạng; không phải là môi trường thuận lợi cho việc ra đời, phát triển các tổ chức dân sự ngoài nhà nước, đối trọng với nhà nước như ở các quốc gia phương Tây vốn hình thành từ sớm xã hội thị dân, xã hội công dân. Trong quá trình lãnh đạo, nhất là từ khi đất nước phát triển kinh tế thị trường, Đảng Cộng sản Việt Nam, một mặt tăng cường, giữ vững vai trò lãnh đạo, mặt khác luôn tôn trọng vai trò độc lập, tính chủ động, tự chủ, tự quản, năng động của các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội, nghề nghiệp; tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền làm chủ của nhân dân trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; tạo môi trường thuận lợi để người dân và các tổ chức xã hội tham gia phát triển, giám sát thị trường, tham gia xây dựng, kiểm tra, giám sát hoạt động của Đảng, Nhà nước. Xã hội Việt Nam là xã hội dân chủ, là chủ thể quan trọng trong phát triển thị trường, hoàn thiện Nhà nước, hoàn toàn không phải là một xã hội mất dân chủ, không có vai trò, thụ

động theo sự giật dây, chỉ huy của Đảng, Nhà nước như luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch.

Thứ ba, thực tế đã chứng minh tính hiệu quả trong việc nhận thức, giải quyết quan hệ nhà nước - thị trường - xã hội ở Việt Nam. Suy đến cùng, hiệu quả thực tế vẫn là thước đo chính xác nhất để xác định giá trị của nhận thức, hành động. Kinh tế thị trường đã hình thành từ rất sớm ở các nước tư bản phương Tây và các nhà nước phương Tây đã trải qua hàng trăm năm kiểm chứng nhận thức và tiến hành giải quyết mối quan hệ nhà nước - thị trường - xã hội. Nhưng cho đến nay, chưa có quốc gia phát triển kinh tế thị trường hiện đại nào tuyên bố hoàn toàn có thể nhận thức đúng và giải quyết tốt mối quan hệ có ý nghĩa kinh điển này. Những cuộc khủng hoảng kinh tế, tài chính mang tính chu kỳ; sự bất ổn và những rủi ro xã hội diễn ra ở nhiều nơi vẫn tạo một khoảng trống về lý thuyết và những thách đố về hành động đối với các quốc gia phát triển kinh tế thị trường. Việt Nam mới bước vào phát triển kinh tế thị trường trong khoảng thời gian rất ngắn so với các nước tư bản phát

triển; còn nhiều vấn đề mới mẻ về nhận thức cần tiếp tục được nghiên cứu, hoàn thiện; còn nhiều hạn chế, yếu kém trong hoạt động thực tiễn phải tiếp tục khắc phục, song nhìn tổng thể, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam đã phát triển đúng hướng và giành được những tựu quan trọng bước đầu; việc nhận thức, giải quyết quan hệ nhà nước - thị trường - xã hội, về cơ bản, hợp lý, có hiệu quả. Gần 35 năm đổi mới, mặc dù vừa làm vừa học, vừa rút kinh nghiệm, song việc nhận thức, giải quyết quan hệ giữa ba thực thể quan trọng nhất trong kinh tế thị trường không làm tổn thương, không gây ra những chấn động về kinh tế, xã hội. Trái lại, chính kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và việc giải quyết hợp lý, hiệu quả quan hệ nhà nước - thị trường - xã hội đã góp phần quan trọng giúp Việt Nam thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng trầm trọng về kinh tế - xã hội những năm 70, 80 thế kỷ XX; thoát khỏi tình trạng nước nghèo, kém phát triển, trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình, có tốc độ phát triển cao, tiềm lực, qui mô kinh tế ngày càng được

tăng cường¹⁵; đứng vững không bị sụp đổ trước tác động của các cuộc khủng hoảng, suy thoái tài chính, kinh tế khu vực, toàn cầu cuối thập niên 90 thế kỷ trước và cuối thập niên đầu thế kỷ XXI. Công cuộc xóa đói giảm nghèo của Việt Nam đạt được những thành tựu ấn tượng, được thế giới ghi nhận¹⁶. Sự ổn định xã hội, sự đoàn kết, đồng thuận xã hội ở Việt Nam là nhân tố quan trọng để củng cố, hoàn thiện nhà nước, bình ổn và phát triển thị trường, tạo nên sức mạnh to lớn giúp Việt Nam vượt qua mọi khó khăn, thử thách, không ngừng phát triển. Thách thức khốc liệt của đại dịch CoVid-19 vừa qua và thành công của Việt Nam trong phòng chống dịch là minh chứng hùng hồn về sức sống, sức mạnh, sự bền vững của quan hệ nhà nước - thị trường - xã hội ở Việt Nam.

3. Tự tin, tiếp tục nhận thức và giải quyết hiệu quả hơn nữa quan hệ nhà nước - thị trường - xã hội trong giai đoạn phát triển mới

Đồng thời với việc khẳng định những mặt thành công trong quá trình nhận thức, giải quyết quan hệ nhà nước - thị trường - xã hội, Đảng Cộng sản Việt Nam cũng thẳng thắn

chỉ ra những hạn chế, yếu kém, khuyết điểm cần kiên quyết khắc phục. Tổ chức bộ máy của nhà nước vẫn còn công kênh, hiệu lực, hiệu quả quản lý kinh tế, xã hội chưa cao; phẩm chất, năng lực của một bộ phận công chức chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; kiểm soát quyền lực, đấu tranh phòng chống tham nhũng, lãng phí mới đạt kết quả bước đầu. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa còn nhiều vướng mắc, bất cập chưa được tháo gỡ. Môi trường đầu tư kinh doanh chưa thực sự thông thoáng, minh bạch; các nguồn lực phát triển chưa được phân bổ, sử dụng hiệu quả. Một số loại thị trường hiện đại và phương thức giao dịch thị trường hiện đại phát triển chậm; cơ chế giá thị trường đối với một số hàng hóa, dịch vụ thực hiện còn khó khăn. Sự kết nối, tương tác giữa các hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế, các loại hình sản xuất kinh doanh, giữa thị trường trong nước và thị trường quốc tế chưa chặt chẽ, hiệu quả. Phát triển, quản lý phát triển xã hội chưa được chú trọng đúng tầm. Quyền làm chủ của nhân dân, nhất là quyền dân chủ trực tiếp

và vai trò tự chủ, tự quản chưa được phát huy đầy đủ. Hoạt động giám sát, phản biện của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội còn hạn chế; sự tham gia của các hội, hiệp hội nghề nghiệp, các doanh nghiệp xã hội... vào quá trình phát triển thị trường chưa thật rõ nét...

Bước vào giai đoạn phát triển mới, để thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2015 với tầm nhìn đến năm 2030, 2045, trên sở tổng kết, đúc rút kinh nghiệm của gần 35 năm đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh 1991, đặc biệt là 10 năm thực hiện Cương lĩnh 2011, Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục hoàn thiện đường lối đổi mới nhằm phát triển đất nước nhanh, bền vững hơn, trong đó chú trọng nhận thức đầy đủ hơn, thực hiện hiệu quả hơn quan hệ nhà nước - thị trường - xã hội.

Tiếp tục hoàn thiện tổ chức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, thúc đẩy thị trường và xã hội phát triển bền vững. Rà soát chức năng, tổ chức, kiện toàn Nhà nước thật sự tinh gọn, đồng bộ, thông suốt.

Nâng cao chất lượng quản trị quốc gia gắn với xây dựng chính quyền điện tử; chú trọng hoàn thiện, thực thi thể chế phát triển, trọng tâm là thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, sản xuất kinh doanh; huy động, phân bổ, sử dụng hiệu quả các nguồn lực phát triển; thực hiện phân cấp, phân quyền hợp lý gắn với kiểm soát chặt chẽ quyền lực, đẩy lùi tệ nạn tham nhũng, lãng phí. Thực hành dân chủ rộng rãi, phát huy mạnh mẽ dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của nhân dân trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Tạo cơ chế, môi trường thuận lợi để các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện hiệu quả vai trò giám sát, phản biện xã hội; các tổ chức xã hội, nghề nghiệp, doanh nghiệp xã hội, các tổ chức tự quản... tham gia sâu rộng vào quá trình phát triển kinh tế thị trường và phát triển, quản lý phát triển xã hội.

Tiếp tục phát triển đầy đủ, đồng bộ các yếu tố thị trường, các loại thị trường theo hướng hiện đại, hội nhập. Gắn kết hiệu quả các loại thị trường, các thị trường vùng, liên vùng, thị

trường trong nước và thị trường quốc tế. Đổi mới, cơ cấu lại, nâng cao vai trò, chất lượng, hiệu quả kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể; phát triển mạnh kinh tế tư nhân, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; kết nối các thành phần kinh tế, các loại hình sản xuất kinh doanh tạo thành sức mạnh tổng thể, thống nhất của nền kinh tế quốc dân. Thực hiện nhất quán cơ chế giá thị trường với hàng hóa, dịch vụ; đề cao và phát huy vai trò quyết định của thị trường trong huy động, phân bổ, sử dụng hiệu quả các nguồn lực phát triển; phát huy mặt tích cực của cơ chế thị trường, tạo động lực đổi mới sáng tạo, phát triển xã hội, phát triển lực lượng sản xuất. Thông qua hoạt động có hiệu quả, hiệu lực của Nhà nước và hoạt động tự giác, có tổ chức của xã hội, điều tiết, phòng ngừa những rủi ro, hệ lụy từ những khuyết tật của thị trường.

Chú trọng phát triển, quản lý phát triển xã hội trên nền tảng thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội gắn với tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội. Gắn kết chặt chẽ các

chính sách kinh tế với chính sách xã hội; giải quyết hài hòa quan hệ xã hội, quan hệ lao động, quan hệ lợi ích; nâng cao chất lượng an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội tương ứng với tăng trưởng kinh tế. Nâng cao chất lượng, hiệu quả giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, thực hiện đầy đủ, có kết quả Quy chế dân chủ ở cơ sở theo đúng phương châm: dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng. Phát huy vai trò các tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp, doanh

nh nghiệp xã hội... trong phát triển thị trường và điều tiết quan hệ kinh tế thị trường. Tổng kết, nhân rộng mô hình tự quản trong phát triển kinh tế, xây dựng nông thôn mới, xây dựng đô thị văn minh.

Thực tiễn mấy chục năm đổi mới với những thành quả hiện thực, nổi bật chứng minh tính hợp lý, hiệu quả trong việc nhận thức, giải quyết quan hệ nhà nước - thị trường - xã hội phù hợp với điều kiện Việt Nam, tạo tiền đề vững chắc để Việt Nam tiếp tục giải quyết thành công mối quan hệ quan trọng này trong giai đoạn phát triển mới ■

¹ ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016.

² ĐCSVN: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2017.

³ Ngân hàng Thế giới: *Nhà nước trong một thế giới đang chuyển đổi*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.39.

⁴ Năm 1990, các tổ chức kinh tế quốc tế đóng trụ sở ở Washington (IFM, WB...) cùng

Bộ Tài chính Mỹ đưa ra Chương trình cải cách kinh tế bao gồm 10 chính sách với xu hướng mở rộng vai trò thị trường, hạn chế vai trò nhà nước. Đồng thuận Washington có những tương đồng với trường phái Tự do mới.

⁵ Tham khảo Trần Hậu Thành: *Một số vấn đề lý luận về quan hệ nhà nước, xã hội và công dân trong nhà nước pháp quyền*, Tạp chí Triết học số 6 (169), 6-2005; Đỗ Công Tuấn: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về xã hội dân sự ở Liên minh Châu Âu*, Nxb Khoa học - Xã hội, Hà Nội, 2010.

⁶ ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.34-35.

⁷ ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.23.

⁸ ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.27.

⁹ ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.26-27.

¹⁰ ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.103.

¹¹ Như trên, tr.103.

¹² ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.145-146.

¹³ Quỳnh Anh, giadinhmoi.vn, 28-08-2017.

¹⁴ Đến năm 2018, đóng góp vào GDP của kinh tế nhà nước là 27,67%; kinh tế tập thể là 3,74%; kinh tế tư nhân là 42,08%; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là 19,63% - ĐCSVN, Ban Chấp hành Trung ương, Tiểu ban Văn kiện Đại hội XIII, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2020, tr.25.

¹⁵ Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân giai đoạn 2016-2020 ước đạt 6,8% (giai đoạn 2011-2015 đạt bình quân 5,9%); quy mô GDP tăng gấp 2,5 lần so với năm 2010; GDP bình quân đầu người tăng từ 1.332 USD năm 2010 lên hơn 3.000 USD - tính theo số liệu của Tổng cục Thống kê Việt Nam, đối chiếu với số liệu của Ngân hàng Thế giới, Cơ quan Thống kê Liên Hợp quốc.

¹⁶ Tỷ lệ hộ nghèo cả nước giảm từ 14,2% năm 2010 xuống 7% năm 2016 và ước còn dưới 3% vào năm 2020.

ĐẶC ĐIỂM VÀ XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA THỜI ĐẠI

● GS, TS VŨ VĂN HIỀN

Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương

Nhận thức rõ đặc điểm và xu hướng phát triển của thời đại cũng như cục diện và tình hình thế giới là một công việc rất cần thiết. Mỗi quốc gia, dân tộc cần biết mình đang sống trong thời đại gì và bối cảnh thế giới nào, với những tính chất, đặc điểm, nội dung và xu thế phát triển ra sao. Hiểu biết sâu sắc về thời đại giúp ta tìm thấy xu hướng tất yếu trong vô vàn những hiện tượng phức tạp, mang tính ngẫu nhiên của đời sống xã hội, giúp ta nhìn xa trông rộng, nắm bắt khuynh hướng và quy luật phát triển của nhân loại để vừa có thể lựa chọn được hướng đi phù hợp với sự phát triển của lịch sử; lường trước được những thách thức phức tạp, tránh được những vấp vấp sai lệch trên đường đi; từ đó sẽ không bị chao đảo hoặc bị cuốn trôi trước phong ba bão táp của đời sống chính trị quốc tế. V.I.Lênin đã

từng chỉ rõ: Khi phân tích bất cứ vấn đề xã hội nào phải đặt trong bối cảnh lịch sử nhất định, vì chỉ có dựa trên cơ sở hiểu biết những đặc điểm cơ bản của một thời đại, người ta mới có thể tính đến những đặc điểm chi tiết của nước này hay nước khác. Nói cách khác, vấn đề thời đại là căn cứ khách quan và tiền đề cần thiết để các chính đảng đi theo chủ nghĩa Mác phân tích tình hình, xác định nhiệm vụ, phân chia trận tuyến, xây dựng chiến lược, hoạch định chính sách, triển khai thực hiện một cách khoa học. Chính vì lẽ đó, khi bàn về những vấn đề lớn của cách mạng, trước đây cũng như bây giờ, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta bao giờ cũng bắt đầu bằng việc phân tích đặc điểm, nội dung, xu thế phát triển của thời đại và nhận định các mặt của tình hình thế giới để xác định đúng con đường đi của cách mạng Việt Nam và đề ra

đường lối đối nội, đối ngoại đúng đắn, sáng tạo.

1. Nhận thức về thời đại

a) Khái niệm về thời đại

Trong sách báo, trên các phương tiện thông tin đại chúng, hai chữ “thời đại” được dùng khá phổ biến. Với ý nghĩa thông thường nó thường được đồng nhất với các khái niệm “giai đoạn”, “thời kỳ”... Trong các lĩnh vực khoa học khác nhau, “thời đại” cũng được dùng để chỉ các giai đoạn, thời kỳ khác nhau trong lĩnh vực đó. Trong các tác phẩm về lịch sử và kinh tế, thường thấy các khái niệm như “thời đại đồ đá”, “thời đại đồ đồng”, “thời đại đồ sắt”, “thời đại hơi nước”, “thời đại kinh tế hái lượm và săn bắt”, “thời đại kinh tế nông nghiệp”, “thời đại kinh tế công nghiệp”, “thời đại kinh tế tri thức”... Khái niệm thời đại còn được sử dụng trong các cụm từ như: thời đại phong kiến, thời đại giai cấp tư sản, thời đại chủ nghĩa đế quốc, thời đại cách mạng vô sản... Trong quân sự, thời đại lại được sử dụng để mô tả các thời kỳ quân sự khác nhau, như: thời đại binh khí lạnh, thời đại binh khí nóng, thời đại hạt nhân v.v...

Thực ra, “thời đại” là một khái niệm

rất linh hoạt. Cách diễn đạt tương ứng trong tiếng Anh là “Epoch”, vừa chỉ một khoảng thời gian có đặc trưng nhất định, vừa chỉ thời điểm có một vài đặc điểm nổi bật. Từ điển tiếng Anh đương đại Longman xuất bản năm 1987 xác định: “Thời đại là một thời kỳ lâu dài của trái đất hay lịch sử xã hội loài người”.

Trong tiếng Hán, định nghĩa “thời đại” lại nghiêng về nhấn mạnh tính tiếp tục của thời gian. Ví dụ: “Từ điển Hán ngữ hiện đại” (bản bổ sung năm 2002) quy nạp hàm ý của thời đại thành hai loại: (1) chỉ một thời kỳ trong lịch sử được phân chia dựa theo tình hình kinh tế, chính trị, văn hóa...; (2) chỉ một thời kỳ trong cuộc đời một con người.

Theo *Từ điển Bách Khoa Việt Nam*, thời đại là “thời kỳ lịch sử tương đối dài với xu thế và nội dung phát triển riêng biệt xét về mặt phát triển kinh tế xã hội hoặc về mặt văn hóa, coi như là một chặng đường không lặp lại trên quá trình tiến bộ xã hội”. Thời đại lịch sử có thể là toàn bộ thời kỳ phát triển của một hình thái kinh tế - xã hội hoặc những giai đoạn chủ yếu trong hình thái ấy.

Từ điển Tiếng Việt lại xác định: thời đại là “khoảng thời gian lịch sử dài được phân chia ra theo những sự kiện có đặc trưng giống nhau”. Theo định nghĩa này, khái niệm thời đại có tiêu chí “thời gian lịch sử dài” và “những sự kiện có đặc trưng giống nhau”. Nhưng định nghĩa đó cũng chưa thật rõ ràng vì bao nhiêu thời gian thì được coi là dài và sự kiện có đặc trưng giống nhau có phải là những công cụ đặc trưng về phát triển lực lượng sản xuất ứng với mỗi thời đại không? Ngoài ra thuật ngữ “thời đại” còn dùng để nói lên một đặc trưng nổi bật của sự phát triển trong một thời gian nhất định của lịch sử, tất nhiên là không ngắn hạn: thời đại đế quốc chủ nghĩa, thời đại cách mạng vô sản, thời đại khoa học kỹ thuật, thời đại toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế, ...

Từ những cách thể hiện như trên, có thể hiểu thời đại theo nghĩa rộng và theo nghĩa hẹp. Theo nghĩa rộng, thời đại là khái niệm về thời gian để chỉ sự phân kỳ lịch sử xã hội và để phân biệt những nấc thang phát triển xã hội mà theo đó nấc thang cao hơn, tiến bộ hơn phủ định nấc thang cũ,

lạc hậu để mở đường cho sự phát triển một thời đại mới. Còn thời đại theo nghĩa hẹp là khái niệm về thời gian để chỉ xu thế và nội dung phát triển riêng biệt xét trên phương diện kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật, công nghệ...

b) Quan điểm của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế về thời đại

Trong Tuyên bố tại Hội nghị đại biểu tại Matxcơva năm 1957 và năm 1960, các đảng cộng sản và công nhân các nước xã hội chủ nghĩa đã đưa ra quan niệm về thời đại ngày nay, thể hiện bước phát triển mới trong quá trình nhận thức về nội dung, tính chất của thời đại.

Nội dung cơ bản của thời đại chúng ta là sự quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, mở đầu bằng Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại ở nước Nga. (Tuyên bố tại Hội nghị đại biểu các Đảng cộng sản và công nhân các nước xã hội chủ nghĩa tháng 11-1957).

Thời đại chúng ta mà nội dung chủ yếu là sự quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, mở đầu bằng Cách mạng Tháng Mười vĩ đại, là thời đại đấu tranh giữa hai hệ thống xã hội

đối lập, là thời đại cách mạng xã hội chủ nghĩa và cách mạng giải phóng dân tộc, là thời đại chủ nghĩa đế quốc bị sụp đổ và hệ thống thuộc địa bị thủ tiêu, là thời đại ngày càng có thêm nhiều dân tộc tiến lên con đường xã hội chủ nghĩa, là thời đại thắng lợi của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi toàn thế giới,... Đặc điểm chủ yếu của thời đại chúng ta là hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới trở thành nhân tố quyết định sự phát triển xã hội loài người. (Nhận định tại Hội nghị đại biểu các Đảng cộng sản và công nhân thế giới, tháng 1 năm 1960)

Thực tế cho thấy, Cách mạng Tháng Mười Nga thắng lợi và Nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên ra đời năm 1917 đã đánh dấu chấm hết thời đại độc tôn của chủ nghĩa tư bản, mở ra thời đại mới, thời đại của sự quá độ lớn lao nhất trong lịch sử loài người,

tiến tới một xã hội hiện thực không còn người bóc lột người, không còn nô dịch giữa người và người. Chế độ xã hội chủ nghĩa non trẻ đã vượt qua hàng loạt thử thách khắc nghiệt nhất của lịch sử, hiện diện cả ở châu Âu, châu Á, châu Mỹ, phát triển mạnh mẽ với nhiều ưu việt kinh tế - xã hội.

c) Nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về thời đại

Đảng ta luôn xác định nhận thức rõ bản chất, nội dung của thời đại cũng như cục diện và tình hình thế giới là một nhiệm vụ hết sức quan trọng. Trong khi khẳng định thời đại ngày nay vẫn là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, Đảng ta nhận rõ tình hình phức tạp, quanh co và rất lâu dài của quá trình chuyển biến xã hội nên đã hướng vào đánh giá trực tiếp những động thái, đặc trưng, xu hướng và tính chất trong giai đoạn hiện nay của thời đại.

Thời đại chúng ta mà nội dung chủ yếu là sự quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, mở đầu bằng Cách mạng Tháng Mười vĩ đại, là thời đại đấu tranh giữa hai hệ thống xã hội đối lập, là thời đại cách mạng xã hội chủ nghĩa và cách mạng giải phóng dân tộc, là thời đại chủ nghĩa đế quốc bị sụp đổ và hệ thống thuộc địa bị thủ tiêu...

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội của Đảng năm 1991 đã nêu rõ: “Đặc điểm nổi bật trong giai đoạn hiện nay của thời đại là cuộc đấu tranh giai cấp và dân tộc gay go, phức tạp của nhân dân các nước vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Chủ nghĩa xã hội hiện đứng trước nhiều khó khăn, thử thách. Lịch sử thế giới đang trải qua những bước quanh co, song, loài người cuối cùng nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội vì đó là quy luật tiến hòa của lịch sử”¹. Tiếp đó, “Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)” lại nêu rõ: “Đặc điểm nổi bật trong giai đoạn hiện nay của thời đại là các nước với các chế độ xã hội và trình độ phát triển khác nhau cùng tồn tại, vừa hợp tác vừa đấu tranh, cạnh tranh gay gắt vì lợi ích quốc gia, dân tộc. Cuộc đấu tranh của nhân dân các nước vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, phát triển và tiến bộ xã hội dù gặp nhiều khó khăn, thách thức, nhưng sẽ có những bước tiến mới. Theo quy luật tiến hóa của lịch sử, loài người nhất định sẽ

tiến tới chủ nghĩa xã hội”².

2. Đặc điểm giai đoạn hiện nay của thời đại

Xem xét trên cơ sở lý luận và thực tiễn lịch sử xã hội loài người đều cho thấy mỗi bước chuyển từ một hình thái kinh tế - xã hội này đến hình thái cao hơn đều diễn biến trong thời gian rất dài, có khi vài trăm năm hoặc vài nghìn năm. Vậy nên việc Đảng ta phân định *giai đoạn hiện nay của thời đại* “quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới” là tư duy sáng tạo, có tính khoa học xác thực và cần thiết. Vậy nên việc nghiên cứu đặc điểm và xu hướng phát triển của thời đại cũng được thực hiện trong khung khổ giai đoạn hiện nay của thời đại.

a) Các mâu thuẫn cơ bản trong giai đoạn hiện nay của thời đại

Sự vận động không ngừng của thế giới đương đại và giai đoạn hiện nay của thời đại với những diễn biến phức tạp và hàm chứa nhiều mâu thuẫn. Những mâu thuẫn cơ bản nổi bật hiện nay là:

Thứ nhất, mâu thuẫn giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản diễn ra gay gắt. Đây là cách diễn đạt mới vì

trước đây thường nói mâu thuẫn giữa “phe xã hội chủ nghĩa và phe đế quốc chủ nghĩa”. Sở dĩ có cách diễn đạt mới này không chỉ vì không còn hai phe như trước, mà còn vì cách đề cập trước đây chỉ bó hẹp trong phạm vi mâu thuẫn giữa hai phe, chưa bao quát được cuộc chiến tranh giữa hai chiều hướng phát triển ngay trong lòng mỗi quốc gia cũng như trên phạm vi toàn thế giới. Đây là mâu thuẫn cơ bản nhất, bởi sự vận động của mâu thuẫn này sẽ tác động nhiều mặt đến các mâu thuẫn khác.

Thứ hai, mâu thuẫn cơ bản vốn có của chủ nghĩa tư bản giữa tính chất xã hội hóa ngày càng cao của lực lượng xã hội với chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa ngày càng sâu sắc. Chính từ mâu thuẫn này đã dẫn tới mâu thuẫn giữa các tầng lớp nhân dân rộng rãi với giai cấp tư sản, giữa các tập đoàn tư bản độc quyền, các công ty xuyên quốc gia, các Trung tâm tư bản tiếp tục phát triển. Hai mâu thuẫn này phản ánh chân thực, mô tả khách quan bức tranh toàn cảnh ở các nước tư bản phát triển khi nhiều tầng lớp nhân dân tham gia đấu tranh vì dân sinh, dân chủ; các tập đoàn tư bản độc

quyền, các công ty xuyên quốc gia, các trung tâm tư bản lớn luôn giành giật nhau gay gắt, nhiều khi gây ra các xung đột, chiến tranh kinh tế, thương mại khốc liệt.

Thứ ba, mâu thuẫn giữa các nước tư bản phát triển. Các nước tư bản phát triển thống nhất với nhau về bản chất chế độ và lợi ích giai cấp nhưng giữa các nước đó cũng có những mâu thuẫn khó khoan nhượng về lợi ích quốc gia, lợi ích của mỗi tập đoàn tư bản. Các nước tư bản phát triển đang bị cuốn vào cuộc cạnh tranh sống còn nhằm chiếm đoạt tài nguyên, năng lượng, nhân lực chất lượng cao và chiếm lĩnh các thị trường béo bở trên khắp các châu lục, khai thác mọi tiềm năng của các nước khác để tích lũy và xuất khẩu tư bản, gia tăng nhiều tối đa trên quy mô toàn cầu.

Thứ tư, mâu thuẫn giữa các thế lực cường quyền, hiếu chiến muốn thống trị thế giới với với nhân dân thế giới đấu tranh cho hòa bình, độc lập dân tộc, công bằng, dân chủ và tiến bộ xã hội. Thế giới đang diễn ra quá trình vừa hợp tác vừa đấu tranh, xâm nhập và chuyển hóa lẫn nhau vô cùng phức tạp để thiết lập một trật tự thế giới

mới. Trong bối cảnh đó, các thế lực hiếu chiến, cường quyền luôn thực hiện các chính sách áp đặt, gây ra các xung đột cục bộ, xung đột khu vực, xung đột biên giới, biển đảo. Mâu thuẫn giữa các nước lớn cũng thường được giải quyết thông qua các cuộc chiến tranh “mượn tay người” ở các điểm nóng; các cuộc chiến giành giật tài nguyên, chiến tranh thương mại. Tình hình đó làm cho nhân dân yêu chuộng hòa bình trên toàn thế giới hết sức lo lắng và đề cao cảnh giác.

Thứ năm, mâu thuẫn giữa nhu cầu phát triển của loài người càng tăng với tình trạng tài nguyên thiên nhiên ngày càng cạn kiệt. Sự gia tăng dân số và phát triển kinh tế - xã hội luôn có mối quan hệ khăng khít với môi trường và điều kiện thiên nhiên. Tài nguyên thiên nhiên và môi trường là cơ sở và nhân tố quan trọng cho sự phát triển. Nếu biết sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên và các yếu tố địa lợi, kinh tế - xã hội sẽ tăng trưởng mạnh mẽ và phát triển bền vững. Vậy nhưng hiện nay vấn đề sử dụng quá mức và thiếu trách nhiệm đã gây ra vấn nạn cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường ngày càng nghiêm trọng.

b) Chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản cùng tồn tại, vừa hợp tác, vừa đấu tranh

Thế giới hiện nay là thế giới toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế; là cả một không gian mở, đan xen lợi ích, tùy thuộc lẫn nhau. Một khi khủng hoảng kinh tế ở một khu vực hoặc một nước lớn kéo theo khủng hoảng toàn cầu; một khi giá dầu mỏ lên xuống thất thường và đột biến đủ làm cho kinh tế thế giới bị ảnh hưởng. Nhìn vấn đề toàn cầu, nhất là một số vấn đề an ninh phi truyền thống buộc cả cộng đồng quốc tế phải chung tay giải quyết. Sự biến đổi khí hậu khác thường, thiên tai nghiệt ngã đang diễn ra rất đáng lo ngại. Sự phát triển không thể ngăn cản của các loại vũ khí giết người khủng khiếp cũng là yếu tố làm cho bất kỳ giới cầm quyền nào, cho dù là nước xã hội chủ nghĩa hay tư bản chủ nghĩa cũng phải tính toán kỹ vấn đề chiến tranh hay hòa bình. Như vậy, cùng với việc đổi mới nhận thức của toàn nhân loại, đặc biệt là của giới lãnh đạo các nước về trách nhiệm chung đối với sự phát triển thế giới, những nhân tố khách quan nêu trên vừa thúc đẩy, đòi hỏi,

vừa tạo điều kiện cho việc cùng tồn tại và hợp tác cùng phát triển đối với tất cả các nước.

Trong khi nhận rõ sự hợp tác giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản hiện nay là khá toàn diện, thì không thể quên rằng những mâu thuẫn giữa hai chiều hướng phát triển này vẫn chứa đựng mâu thuẫn vốn có. Các thế lực hiếu chiến và thù địch chưa bao giờ từ bỏ dã tâm muốn xóa sổ chủ nghĩa xã hội. “Diễn biến hòa bình” là một trong những chiến lược tổng thể của chủ nghĩa đế quốc nhằm thực hiện mục tiêu đó. Đây là cuộc chiến tranh không khói súng nhưng thực sự là kẻ sách nham hiểm phá vỡ thành lũy của chủ nghĩa xã hội từ bên trong, là chiến thuật “mối xây nhà” nhằm làm thoái hóa về tư tưởng, mục ruỗng cơ cấu kinh tế - chính trị - xã hội của các nước xã hội chủ nghĩa. Tất cả những thủ đoạn mà các thế lực đế quốc đã và đang sử dụng đối với các nước xã hội chủ nghĩa, cũng như đối với giai cấp những người lao động trên toàn thế giới cho thấy, cuộc đấu tranh giai cấp hiện nay không kém phần gay gắt, quyết liệt và phức tạp. Bởi vậy, trong

điều kiện mở cửa, hội nhập với thế giới, thu hút vốn đầu tư, công nghệ và hợp tác giao lưu với các nước tư bản, các nước xã hội chủ nghĩa phải luôn kiên định bảo vệ nền tảng tư tưởng và giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, hợp tác cùng phát triển nhưng luôn cảnh giác và sẵn sàng đấu tranh bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc và mục tiêu lý tưởng của mình.

c) Các vấn đề toàn cầu và an ninh phi truyền thống ngày càng nghiêm trọng

Ngày nay tất cả các quốc gia trên thế giới đều chịu tác động của vấn đề toàn cầu như khủng bố quốc tế, tội phạm xuyên quốc gia, phổ biến vũ khí hủy diệt, thảm họa thiên tai, thảm họa môi trường sinh thái, an ninh lương thực, an ninh nguồn nước, an ninh mạng, nghèo đói và dịch bệnh. Cả thế giới giới đã chứng kiến đại dịch Covid-19, trở thành thảm họa toàn cầu khiến hàng triệu người mắc bệnh, hàng trăm ngàn người chết, khiến tâm trạng xã hội rối loạn, kinh tế toàn cầu khủng hoảng, hoạt động xã hội ngưng trệ, đảo lộn. Trong những vấn đề gay cấp và là những thách thức to lớn đó, cạn kiệt tài

nguyên, nhất là năng lượng và nguồn nước đang là vấn đề nổi trội, tác động tới an ninh và phát triển của nhiều nước, nhiều khu vực. Nhu cầu về tài nguyên của các nền kinh tế, đặc biệt là các nền kinh tế mới nổi và các nền kinh tế của các nước đang phát triển sẽ tăng vọt dẫn tới việc cạnh tranh các nguồn tài nguyên vốn đã gay gắt sẽ trở nên nghiêm trọng hơn.

Cùng với những vấn đề đe dọa an ninh toàn cầu nêu trên, an ninh biển cũng đang nổi lên trong thời gian tới. An ninh biển không chỉ liên quan đến an toàn các tuyến đường hàng hải mà ngày càng mở rộng ra các khía cạnh khác như an ninh môi trường biển, các nguồn lợi hải sản. Do tác động của việc gia tăng các tranh chấp biển, đảo và các chuyển biến của an ninh phi truyền thống khác, an ninh biển sẽ trở thành một trong những vấn đề chi phối quan hệ giữa nhiều nước.

Trong một bài phát biểu của mình, nguyên Tổng Thư ký Liên hợp quốc Bakimun đã nhận xét: “chân trời có vẻ tối đi”. Thế giới đang ở trong thời kỳ có nhiều xáo động. Chủ nghĩa dân tộc nổi lên rất mạnh, chủ nghĩa phân

hóa cũng đang phát triển và những tư tưởng cũng như hành vi cường quyền, cực đoan đang trỗi dậy. Trong khi các cuộc “Cách mạng màu” đã làm tan hoang một số nước tại Trung Đông, Bắc Phi; thì chủ nghĩa dân tộc cực đoan, khủng bố quốc tế chưa bao giờ phức tạp như bây giờ. Chủ nghĩa khủng bố, điển hình là IS vẫn đang duy trì hoạt động tại Irắc, Xyri và ở một số nước khác, đã không chỉ gây ra những bất ổn và biến động chính trị, quốc phòng, an ninh tại nhiều nước mà còn lôi cuốn nhiều quốc gia trong và ngoài khu vực vào “chảo lửa” này. Nguy hiểm hơn, các tổ chức khủng bố đang mở rộng địa bàn hoạt động sang châu Âu, châu Á gây mất an ninh, an toàn xã hội. Những vụ tấn công nhằm vào Pháp, Bỉ, Anh, Nga, lan sang một số nước Đông Nam Á như Philippin, Indonexia cho thấy tất cả những điều đó không thể giải quyết trong một sớm, một chiều, mà sẽ kéo dài, vô cùng phức tạp.

3. Xu thế phát triển trong giai đoạn hiện nay của thời đại

Trong giai đoạn hiện nay của thời đại, thế giới đang đứng trước các xu thế nổi bật tác động đến chiều hướng

phát triển toàn nhân loại và chi phối trực tiếp đến tất cả các nước.

a) Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục phát triển cả về trình độ và tính chất

Toàn cầu hóa, xét về bản chất, là quá trình gia tăng và lan tỏa những mối liên hệ ảnh hưởng, tác động lẫn nhau, phụ thuộc vào nhau của tất cả các khu vực, các quốc gia, các dân tộc trên toàn thế giới. Toàn cầu hóa là xu thế và kết quả tất yếu của quá trình phát triển nền kinh tế thị trường hiện đại, thúc đẩy quá trình mở rộng quan hệ nhiều mặt ra khỏi phạm vi quốc gia, tăng cường mối liên hệ, hợp tác cùng có lợi. Các nước vừa có cơ hội, vừa không thể cưỡng lại sức lôi cuốn của quá trình toàn cầu hóa.

Toàn cầu hóa trở thành quá trình tất yếu không ngừng phát triển, kéo theo cả thế giới vào cuộc chơi hội nhập cùng phát triển, hợp tác và đấu tranh vì lợi ích quốc gia, dân tộc. Hội nhập quốc tế hiện nay cũng trở thành một lẽ đương nhiên mà không nước nào có thể bỏ qua được. Hội nhập quốc tế là tiến trình mỗi quốc gia theo đuổi lợi ích, mục tiêu của mình thông qua việc tự giác hợp tác liên kết

với các quốc gia khác và các tổ chức quốc tế trên nhiều lĩnh vực (kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng...) dựa trên sự chia sẻ về nhận thức, lợi ích, giá trị, nguồn lực, quyền lực và chủ động chấp nhận, tiếp thu tham gia xây dựng các luật chơi chung, chuẩn mực chung trong khuôn khổ các định chế hoặc tổ chức quốc tế. Quá trình hội nhập quốc tế bắt đầu từ thập niên 50 của thế kỷ trước và bùng nổ từ thập niên 1990 đến nay. Hàng loạt các tổ chức khu vực đã ra đời như việc hội nhập toàn diện của Liên minh châu Âu (EU) đã đạt đến mức độ cao, biến tổ chức này trở thành một thực thể mạnh siêu quốc gia. Các nước trong Cộng đồng các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) cũng đang mở rộng và làm sâu sắc tiến trình hội nhập khu vực một cách toàn diện hơn dựa trên ba trụ cột: Cộng đồng chính trị - an ninh, Cộng đồng kinh tế và Cộng đồng văn hóa xã hội; Ở cấp độ toàn cầu, sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Liên hợp quốc và các tổ chức chuyên môn của Liên hợp quốc đã ra đời, ngày càng phát triển với số lượng thành viên bao quát hầu hết các nước trên thế giới.

b) Xu thế phát triển mạnh mẽ của khoa học - công nghệ

Thế giới đang chứng kiến chưa bao giờ cách mạng khoa học - công nghệ lại phát triển mạnh mẽ như hiện nay. Cách mạng khoa học - công nghệ chính là sự thay đổi căn bản trong các lĩnh vực khoa học - công nghệ cũng như mối quan hệ và chức năng kinh tế, xã hội của chúng, tác động lớn đến cơ cấu và động thái phát triển của sức sản xuất xã hội. Quan trọng nhất của cách mạng khoa học - công nghệ là nổi lên vai trò hàng đầu của yếu tố con người trong hệ thống lực lượng sản xuất dựa trên việc vận dụng đồng bộ và hữu hiệu các ngành công nghệ có hàm lượng trí tuệ cao. Cách mạng khoa học - công nghệ làm biến đổi tận gốc lực lượng sản xuất xã hội, thực hiện vai trò dẫn đường và kết nối trong toàn bộ chu trình công nghệ - sản xuất - con người - xã hội - môi trường.

Cuộc cách mạng Công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra rất mạnh mẽ, trở thành một trong những xu thế phát triển mới của đời sống nhân loại trong giai đoạn hiện nay của thời đại. Đặc trưng của cuộc cách mạng này là

sự hợp nhất, không ranh giới giữa các lĩnh vực công nghệ, vật lý, kỹ thuật và sinh học. Đó là xu hướng kết hợp giữa các hệ thống ảo và thực, vạn vật kết nối. Cuộc cách mạng này làm cho thế giới “phẳng” hơn, thúc đẩy quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế có những bước tiến mới mạnh mẽ hơn, làm cho các nước có cơ hội mới và cũng đứng trước những thách thức mới. Với tốc độ phát triển cao, thay đổi nhanh chóng và sự kết hợp nhiều công nghệ khác nhau, loài người đứng trước sự thay đổi lớn và khả năng phát triển chưa từng có.

c) Xu thế hòa bình, hợp tác, phát triển

Thế kỷ XX đã xảy ra 2 cuộc chiến tranh thế giới mà hậu quả vô cùng thảm khốc. Còn hiện nay, nếu chiến tranh thế giới, chiến tranh giữa các nước lớn xảy ra sẽ dẫn tới nguy cơ phá vỡ toàn bộ hạ tầng kinh tế của nhiều nước và nếu trở thành cuộc chiến tranh hạt nhân thì tất cả sẽ bị hủy diệt. Vậy nên hòa bình và ổn định là nhu cầu và khát vọng của toàn nhân loại. Phải có hòa bình mới có hợp tác, phát triển và ngược lại, nếu thế giới bình yên, hợp tác và phát triển được đẩy mạnh sẽ củng cố được hòa bình của

thế giới. Chính sự hợp tác, hội nhập quốc tế, tùy thuộc lẫn nhau, đan xen lợi ích giữa các quốc gia khiến mọi bất ổn, biến động sẽ được giải quyết một cách thỏa đáng.

Hòa bình, hợp tác và phát triển đã và đang là một trong những xu thế khách quan, hết sức quan trọng và tối cần thiết trong quan hệ quốc tế hiện nay. Đây là xu thế và là ước mong của toàn nhân loại để xu thế này trở thành một giá trị lâu bền, bởi xu thế là vậy nhưng trên thực tế, ở nhiều nơi trên thế giới chưa có hòa bình, bởi vẫn có bạo lực, cường quyền áp đặt thay cho hợp tác và vẫn có những nguy cơ kìm hãm sự phát triển.

4. Những luận điệu sai trái và luận cứ đấu tranh chống những luận điệu này

Khi đã xác định thời đại ngày nay là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, mở đầu bằng Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười vĩ đại ở nước Nga, thì rõ ràng nội dung của thời đại ngày nay có hai vấn đề chính: *Một là*, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội; *Hai là*, mở đầu bằng Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười vĩ đại ở nước Nga. Nhận định về nội dung

thời đại như vậy là sự khái quát mang tính lý luận và thực tiễn sâu sắc, đầy tính thuyết phục.

Tuy nhiên, sau khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ, các thế lực thù địch lợi dụng sự kiện này để công kích, xuyên tạc chủ nghĩa Mác-Lênin, bài bác những luận điểm cơ bản nhất về thời đại. Luận điệu của họ không có gì mới mẻ nhưng cách diễn đạt khác đi. Những luận cứ đấu tranh chống các luận điệu này cần được làm rõ.

a) Về vấn đề thứ nhất của nội dung thời đại

Lập luận của luận điệu sai trái là, nếu nói thời đại hiện nay là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, thì nay chủ nghĩa xã hội sụp đổ rồi, thời đại này đương nhiên là của chủ nghĩa tư bản; rằng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản đã tàn lụi thì dù có trăm năm sau cũng không thể gượng dậy được nữa.

Cách nhìn nhận của họ rõ ràng là thiếu kiến thức lịch sử và rất thiển cận. Quá trình chuyển biến và thay thế một thời đại này bằng thời đại khác không thể diễn ra nhanh chóng được, mà phải qua một chặng đường

dài. Quá trình đó là một xu thế tất yếu của xã hội loài người, nhưng diễn ra quanh co, phức tạp chứa đựng nhiều biến cố, có cả bước tiến mạnh mẽ và cũng có cả những bước tụt lùi. Sự đổ vỡ của xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô đương nhiên là tổn thất nặng nề đối với phong trào cộng sản. Đồng thời ai cũng biết rằng, sự sụp đổ ấy có nhiều nguyên nhân, nhưng nó không thuộc về bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa, càng không phải vì thế mà làm mất đi nội dung thời đại. Lịch sử đã cho thấy thời đại tư bản chủ nghĩa thay thế thời đại phong kiến đâu phải dễ dàng. Quá trình chuyển biến đó diễn ra hàng mấy trăm năm, trải qua biết bao phức tạp bởi sự chống trả quyết liệt của các thế lực phong kiến. Tình hình hiện nay cũng tương tự như vậy. Thế lực đế quốc không từ một thủ đoạn nào để mưu toan chặn đứng phong trào cộng sản. Điều đó càng thể hiện tính chất phức tạp của thời đại ngày nay.

b) Về vấn đề thứ hai của nội dung thời đại

Kẻ thù tư tưởng của chúng ta công khai tuyên bố rằng, chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô đã sụp đổ thì giá trị của Cách

mạng Tháng Mười cũng chấm hết.

Đây đúng là kết luận vội vã và hồ đồ. Đành rằng thành quả mà Cách mạng Tháng Mười đem lại đã bị đổ vỡ tại ngay quê hương của nó, nhưng đó quyết không phải là sự chấm dứt lý tưởng cao đẹp của Cách mạng Tháng Mười. Vả chăng, lịch sử đã tỏ rõ, không có một cuộc cách mạng nào, kể cả các cuộc cách mạng vĩ đại nhất, lại đủ khả năng kết thúc ngay công việc xóa bỏ xã hội cũ và xây dựng xong ngay xã hội mới. Quá trình chuyển từ xã hội phong kiến lên xã hội tư bản chủ nghĩa đã phải trải qua hàng trăm năm với nhiều cuộc cách mạng tư sản: Cách mạng Anh năm 1788, các cuộc cách mạng tư sản Pháp vào các năm 1830, 1848, 1871...

Sự phát triển của xã hội loài người từ sau Cách mạng Tháng Mười đã chứng tỏ rằng, lý tưởng Tháng Mười đã không chỉ là ngọn đèn pha dẫn đường tỏa sáng, mà còn có những đóng góp thực tế to lớn. Cách mạng Tháng Mười là tiếng chuông đánh thức lịch sử, báo hiệu một trang sử mới của thế giới. Thế giới trước Cách mạng Tháng Mười là một thời kỳ u mê, an phận, là thời đại của chủ

nghĩa tư bản. Sự đột phá Tháng Mười làm cho chủ nghĩa tư bản bị đổ vỡ một mảnh lớn. Thế giới bùng tỉnh, bung ra với sức mạnh mới của sự hình thành và phát triển của chủ nghĩa xã hội làm sụp đổ hoàn toàn hệ thống thuộc địa, giải phóng xã hội, giải phóng con người. Thành quả của cách mạng Tháng Mười đã tạo cho loài người có khả năng gìn giữ sự lộng hành của chủ nghĩa tư bản, làm thay đổi cả những yếu tố bên trong của chủ nghĩa tư bản. Chủ nghĩa tư bản đã không thể sống tự nó nữa mà đã phải cố gắng vì sự tồn tại của nó. Những thay đổi trong chiến lược kinh tế, chính trị để thích nghi, những thay đổi trong các chính sách phúc lợi xã hội, đảm bảo xã hội... ở các nước tư bản phát triển hiện nay đều do kết quả của xã hội đấu tranh của những người lao động và sâu xa hơn là được ảnh hưởng của Cách mạng Tháng Mười..

Từ những phân tích trên đây, chúng ta càng thống nhất với nhận định rằng, mặc dù tình hình thế giới trong giai đoạn hiện nay và thời gian tới có nhiều thay đổi, có khi là thay đổi khôn lường nhưng bản chất của

thời đại không thay đổi. Tình hình cụ thể trong từng thời kỳ của thế giới có những biến động nhưng điều đó không làm thay đổi nội dung của thời đại; loài người vẫn đang trong thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Các mâu thuẫn cơ bản trên thế giới vẫn tồn tại và phát triển, có mặt sâu sắc hơn, nội dung và hình thức biểu hiện có nhiều nét mới. Đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp vẫn diễn ra dưới nhiều hình thức.

c) Một số kiến nghị

Nước ta quá độ lên CNXH tuy không còn có sự giúp đỡ của Liên Xô và các nước XHCN như trước, nhưng trong giai đoạn mới của thời đại, khi cách mạng khoa học- công nghệ và toàn cầu hoá đời sống thế giới, tất cả các nước đều ở trong mối liên hệ phụ thuộc lẫn nhau, không một nước nào sống biệt lập mà có thể phát triển được. Sự hợp tác kinh tế với các nước bằng nhiều hình thức sinh động trên nguyên tắc bình đẳng cùng có lợi, tôn trọng độc lập chủ quyền của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau dưới bất kỳ hình thức nào, sẽ tranh thủ vốn,

kỹ thuật, công nghệ hiện đại, kinh nghiệm quản lý, phục vụ cho việc phát triển kinh tế đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của CNXH. Đó cũng là một khả năng thực tế mà chúng ta đã và đang cố gắng tận dụng, đưa nước ta hoà nhập vào nền kinh tế khu vực và thế giới. Mặt khác, không chỉ có thời cơ mà còn có cả những thách thức, những nguy cơ. Trong hợp tác kinh tế với các nước, nhất là với các nước tư bản phát triển, là những trung tâm kinh tế kỹ thuật hùng mạnh, họ có thể lợi dụng ưu thế về vốn, kỹ thuật và công nghệ hiện đại để gây sức ép đối với chúng ta, nhất là trong những lúc chúng ta gặp khó khăn, buộc chúng ta phải chấp nhận những điều kiện có lợi cho họ, hòng lái chúng ta đi chệch khỏi định hướng XHCN. Mặc dù “hoà bình, hợp tác”, phát triển là xu hướng của thời đại nhưng còn một xu hướng khác đối lập là xu hướng cường quyền, áp đặt. Mưu toan của các thế lực cường quyền, hiếu chiến đang thể hiện trong các điểm nóng trên nhiều khu vực của thế giới đang là những mưu toan độc chiếm các

vùng biển đảo, xâm phạm độc lập, chủ quyền của nước khác.

Đó là những thách thức, những nguy cơ mà chúng ta cần có sự nhận thức sâu sắc và tỉnh táo, không một chút mơ hồ, mất cảnh giác, để có những chủ trương, biện pháp ngăn ngừa, đối phó hữu hiệu. Chúng ta thực hiện phương châm vừa hợp tác, vừa đấu tranh trên cơ sở giữ vững những vấn đề có tính nguyên tắc về mục tiêu chiến lược và mềm dẻo linh hoạt về sách lược. Đấu tranh không phải để phá vỡ hợp tác mà để phát triển sự hợp tác. Phải biết khéo lợi dụng những mâu thuẫn trong hệ thống TBCN, nhất là mâu thuẫn giữa các nước lớn trong xu hướng đa cực hoá để mở rộng sự hợp tác vừa có lợi, vừa bảo vệ được mình và chuẩn bị sẵn sàng đối phó với những tình huống xấu nhất, bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc.

Một vấn đề nữa cũng không kém phần quan trọng là khi nước ta hội nhập vào kinh tế khu vực và kinh tế thế giới, chúng ta cũng chịu sự tác

động hai chiều tích cực và tiêu cực đến kinh tế của nước ta. Tác động tích cực khi kinh tế khu vực và kinh tế thế giới ổn định phát triển, tác động tiêu cực khi kinh tế thế giới và kinh tế khu vực rơi vào trì trệ khủng hoảng. Chúng ta cần có chính sách sử dụng tốt mặt tích cực và ngăn ngừa, hạn chế mặt tiêu cực, giữ cho nền kinh tế nước ta ổn định và phát triển. Đây là bài học thực tế đã xử lý trước những tác động tiêu cực của cơn khủng hoảng tài chính - tiền tệ và khủng hoảng kinh tế trong khu vực và thế giới trong thời gian qua.

Như vậy, từ một nước kinh tế kém phát triển, nếu chúng ta biết tranh thủ những thời cơ, những thuận lợi và biết vượt qua những thách thức,

những nguy cơ, chúng ta có thể “phát triển rút ngắn” lên XHCN bỏ qua chế độ TBCN theo quan điểm của V.I.Lênin, Người đã có đóng góp to lớn vào lý luận về sự “phát triển rút ngắn” và chính sách kinh tế mới (NEP). Nó đã được thực tiễn khảo nghiệm mà ngày nay Đảng ta đang vận dụng một cách sáng tạo, phù hợp với thực tiễn cách mạng nước ta.

Xuất phát từ tình hình như thế, chúng ta có thể tin tưởng vững chắc rằng Việt Nam đang trong tư thế vươn tầm, kiên định con đường đã lựa chọn, đã có đủ sức lực và trí tuệ để tiến bước cùng thế giới, tiến cùng thời đại; nhất định thực hiện được mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh ■

¹ ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.514.

² ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, 2011, tr.69.

NHẬN THỨC VÀ GIẢI QUYẾT MỐI QUAN HỆ GIỮA TUÂN THEO CÁC QUY LUẬT CỦA KINH TẾ THỊ TRƯỜNG VÀ BẢO ĐẢM ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

● NGUYỄN VĂN THẠO

Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương

1 Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một trong những nội dung quan trọng hàng đầu trong đường lối đổi mới của Đảng, Nhà nước ta hơn 30 năm qua. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được xác định là mô hình kinh tế tổng quát trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội của nước ta. Nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa cũng ngày càng rõ và đầy đủ hơn. Đến nay, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa mà nước ta xây dựng được xác định là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, đồng

thời có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với trình độ phát triển đất nước trong từng giai đoạn, hướng tới mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Đó là nền kinh tế có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, bao gồm kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân trong nước và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; trong đó, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể trở thành nền tảng của nền kinh tế, kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế. Các quyền sở hữu, quyền tài sản,

quyền tự do kinh doanh, tự do lưu thông được pháp luật bảo vệ. Doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế đều hoạt động theo cơ chế thị trường, hợp tác và cạnh tranh bình đẳng theo pháp luật. Cơ chế vận hành nền kinh tế là cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước. Thị trường, với sự tác động của các quy luật khách quan của kinh tế thị trường, là yếu tố chủ yếu quyết định giá cả hàng hóa, huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa; tạo động lực phát triển và điều tiết hoạt động của doanh nghiệp, thanh lọc doanh nghiệp yếu kém. Nhà nước quản lý kinh tế bằng luật pháp, chính sách, các tiêu chuẩn, định mức, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và sử dụng lực lượng kinh tế của mình (gồm các nguồn lực thuộc sở hữu nhà nước và các doanh nghiệp nhà nước) để tạo khung khổ pháp luật, môi trường công khai, minh bạch, thuận lợi cho các chủ thể kinh tế, các thị trường hoạt động, cho sản xuất và lưu thông; khắc phục các khuyết tật của cơ chế thị trường; đồng thời, thúc đẩy và định hướng phát triển kinh tế, gắn kết phát triển kinh tế với phát

triển văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường. Phân phối được thực hiện theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, theo mức đóng góp vốn và các nguồn lợi khác vào hoạt động kinh tế và thông qua hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội. Định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường được bảo đảm bởi vai trò quản lý của nhà nước xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, được thể hiện ở hệ thống luật pháp, chính sách, các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch để tạo ra môi trường kinh doanh công khai, minh bạch, thuận lợi, tạo động lực phát triển kinh tế nhanh, bền vững; gắn kết phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội phù hợp với trình độ phát triển kinh tế; thể hiện ở quan hệ phân phối để mọi người đều được hưởng thành quả phát triển đất nước, hướng tới mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Nhận thức, quan điểm của Đảng về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được thể chế hóa thành luật pháp, chính sách, các chiến lược, chương trình, kế hoạch của nhà nước, được thực hiện đạt kết quả, thành tựu

to lớn. Đến nay, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của nước ta đã có đầy đủ các yếu tố của nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế theo thông lệ quốc tế, đồng thời các yếu tố bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục được củng cố, tăng cường; kinh tế đất nước đạt tốc độ tăng trưởng cao trong một thời gian dài, cơ cấu và trình độ công nghệ thay đổi tích cực theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đưa đất nước thoát khỏi tình trạng nước nghèo, kém phát triển, trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình thấp, đời sống nhân dân được cải thiện, uy tín quốc tế của đất nước được nâng cao.

2. Tuy vậy, từ nhiều năm trước và đến ngày nay, vẫn có một số người ở cả trong nước và nước ngoài, vì nhiều lý do, động cơ khác nhau, vẫn cho rằng không có nền kinh tế nào là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; kinh tế thị trường, các quy luật của kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa là những yếu tố đối lập nhau, loại trừ nhau; ghép định hướng xã hội chủ nghĩa vào kinh tế thị trường là sự gán ghép chủ quan

duy ý chí, không có cơ sở khoa học, không thuyết phục, làm nảy sinh nhiều mâu thuẫn; nếu bỏ, không có cái đuôi “định hướng xã hội chủ nghĩa” thì kinh tế đất nước còn phát triển nhanh hơn, kết quả đạt được còn lớn hơn. Do đó, mặc dù Việt Nam ra sức tuyên truyền, vận động, nhưng nhiều nước vẫn không công nhận kinh tế Việt Nam là kinh tế thị trường để được hưởng các quy chế ưu đãi trong quan hệ kinh tế với các nước.

Họ còn cho rằng: một mặt, Nhà nước ta chủ trương phát triển kinh tế thị trường, phát triển kinh tế nhiều thành phần, đa dạng các hình thức sở hữu; doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế được bình đẳng, hợp tác và cạnh tranh theo pháp luật, nhưng mặt khác lại xác định kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể là nền tảng của nền kinh tế thì như vậy là có phân biệt đối xử, không thể bình đẳng, do đó, không thể có kinh tế thị trường thật sự, kinh tế thị trường theo thông lệ quốc tế. Hơn nữa, Nhà nước ta lại xác định kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế, được khuyến khích phát triển thành các

tổng công ty, tập đoàn kinh tế mạnh, hoạt động cả trong nước và ngoài nước thì nền kinh tế thị trường sẽ phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa, như các nước tư bản khác, chứ không phải phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Nói định hướng xã hội chủ nghĩa chỉ là chủ quan, duy ý chí hay là tự lừa dối chính mình, lừa dối người khác mà thôi...

Những nhận thức, quan điểm như vậy không phải là không có tác động đến cán bộ, đảng viên, nhân dân, làm một số người băn khoăn, ảnh hưởng đến sự thống nhất nhận thức, tư tưởng trong Đảng và trong xã hội; làm giảm lòng tin của nhân dân vào Đảng, Nhà nước, vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội; ảnh hưởng tới việc thực hiện có hiệu quả chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước, cần phải được đấu tranh, phản bác.

3. Sai lầm của những người cho rằng không thể có nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, *thứ nhất*, là do họ đã đồng nhất kinh tế thị trường với kinh tế thị trường chủ nghĩa tư bản, cho rằng, chỉ có một loại kinh tế thị trường là kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa. Song, thực

chất các quan hệ kinh tế thị trường và các quan hệ tư bản là hoàn toàn khác nhau. Nguồn gốc và bản chất của kinh tế thị trường là kinh tế hàng hóa; các phạm trù giá trị, giá cả, hàng hóa, tiền tệ, các quy luật cạnh tranh, cung cầu, quy luật giá trị của kinh tế hàng hóa cũng là các phạm trù và quy luật của kinh tế thị trường. Các phạm trù, quy luật này có trước chủ nghĩa tư bản, được chủ nghĩa tư bản nắm lấy, sử dụng để phát triển thành kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa. Giá trị và tư bản là những phạm trù khác nhau, cũng như quy luật giá trị và quy luật giá trị thặng dư là những quy luật khác nhau.

Thứ hai, sai lầm của những người này là dường như cho rằng kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa từ khi ra đời đến nay là không thay đổi, “nhất thành, bất biến”. Họ không thấy rằng trải qua thời gian, kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa cũng có nhiều biến đổi. Thời kỳ đầu khi mới ra đời, kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa là kinh tế thị trường tự do cạnh tranh, chưa có sự can thiệp của nhà nước. Sự điều tiết của “bàn tay vô hình” của thị trường đã đưa đến nhiều hiệu quả

tiêu cực, đặc biệt là các cuộc khủng hoảng kinh tế chu kỳ, đòi hỏi phải có bàn tay quản lý của nhà nước để hạn chế, khắc phục những khuyết tật do điều tiết tự phát của cơ chế thị trường. Ngày nay, nền kinh tế thị trường hiện đại của các nước tư bản phát triển trên thế giới đều là nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước, vừa có điều tiết bởi “bàn tay vô hình” của thị trường, vừa có điều tiết bằng “bàn tay hữu hình” của nhà nước; trong đó, điều tiết thị trường là cơ sở, nền tảng, điều tiết của nhà nước trên cơ sở tôn trọng điều tiết của thị trường (Công cụ quản lý, điều tiết kinh tế của nhà nước là luật pháp, chính sách và các nguồn lực kinh tế của nhà nước).

Hơn nữa, kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước ở các nước trên thế giới không phải hoàn toàn giống nhau, mà có nhiều mô hình khác nhau, tùy thuộc vào mức độ can thiệp và nội dung, định hướng can thiệp của nhà nước. Có mô hình kinh tế thị trường tự do ở những nước mức độ can thiệp của nhà nước vào kinh tế thấp; nhà nước chỉ bảo vệ quyền sở hữu, quyền tài sản, tự do kinh doanh, bảo đảm trật tự, ổn định xã hội, còn

để phạm vi điều tiết của thị trường lớn, điều tiết mọi hoạt động kinh tế (như Mỹ trước thời Tổng thống D.Trump). Có mô hình kinh tế thị trường xã hội ở nước mà nhà nước can thiệp vào nền kinh tế để tạo cơ hội như nhau cho mọi người tham gia vào phát triển và hưởng thành quả phát triển, chống lại độc quyền, phát triển kinh tế theo định hướng xã hội (như Đức). Có mô hình kinh tế thị trường phúc lợi xã hội ở nước mà nhà nước can thiệp vào nền kinh tế để điều tiết thu nhập, phát triển các dịch vụ xã hội công, bảo đảm phúc lợi cho người dân, đặc biệt những người cần được trợ giúp: trẻ em, người già, người thất nghiệp... (như các nước Bắc Âu). Có mô hình kinh tế thị trường nhà nước phát triển ở nước mà nhà nước không chỉ tạo thể chế, môi trường cho các chủ thể kinh tế hoạt động, mà còn có chiến lược, chính sách và sử dụng các nguồn lực kinh tế của nhà nước để định hướng và thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế (như Nhật Bản, Hàn Quốc)...

Kinh tế thị trường là sản phẩm của văn minh nhân loại. Chủ nghĩa tư bản đã lấy kinh tế thị trường làm cơ sở cho

sự tồn tại, vận động, phát triển của mình. Trong thời đại ngày nay, thời đại quá độ lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới, đã xuất hiện nhiều mô hình kinh tế thị trường ở các nước tư bản phát triển, dù ở mức độ khác nhau, đều có định hướng xã hội. Đây là xu hướng tiến bộ, là những mầm mống của chủ nghĩa xã hội trong lòng chủ nghĩa tư bản (là những sự phủ định đối với tư bản tư nhân, dù vẫn chưa phá bỏ được chế độ tư bản). Do tính chất của thời đại, ngày nay, một nước kinh tế chưa phát triển, chưa qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, cũng có thể quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, sử dụng cả kinh tế thị trường và cả kinh nghiệm của chủ nghĩa tư bản chủ nghĩa để xây dựng nền tảng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội.

- Về sai lầm của luận điểm cho rằng các quy luật của kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa hoàn toàn đối lập, loại trừ nhau.

Là một nền kinh tế thị trường thì phải vận hành theo các quy luật của kinh tế thị trường. Đó là các quy luật

cạnh tranh, quy luật cung - cầu, quy luật giá trị, quy luật lưu thông tiền tệ, trong đó trung tâm là quy luật giá trị. Đặc trưng của kinh tế thị trường là cạnh tranh. Các doanh nghiệp (dù doanh nghiệp để chỉ chung cho tất cả các chủ thể kinh tế) luôn phải cạnh tranh với nhau để chiếm được các nguồn lực sản xuất (đất đai, tài nguyên, vốn, lao động, khoa học công nghệ...), các dự án đầu tư, chiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm. Cạnh tranh là sức ép, động lực thúc đẩy các doanh nghiệp năng động, sáng tạo, cải tiến quản lý, tổ chức sản xuất kinh doanh hợp lý; ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ; đổi mới, nâng cao chất lượng sản phẩm; tiết kiệm, giảm chi phí sản xuất, nâng cao năng suất lao động, hiệu quả sản xuất kinh doanh; qua đó, thúc đẩy kinh tế phát triển, thanh lọc những doanh nghiệp yếu kém. Quy luật cạnh tranh là mạnh được, yếu thua. Đây là mặt tích cực của cạnh tranh. Nhưng cạnh tranh giữa các doanh nghiệp cũng dẫn đến những hậu quả tiêu cực: khai thác tối đa sức lực người lao động (kéo dài giờ làm, tăng cường độ lao động), giảm chi phí cho lao động (giảm lương,

giảm bảo hộ lao động); khai thác cạn kiệt tài nguyên, gây ô nhiễm môi trường; sử dụng các biện pháp cạnh tranh không lành mạnh, như: làm hàng giả, kém chất lượng, ăn cắp công nghệ, buôn lậu, trốn thuế, phá hoại đối thủ... Trong nền kinh tế thị trường có quản lý của nhà nước ở các nước trên thế giới, nhất là ở các nước phát triển hiện nay, nhà nước tạo khung khổ pháp luật cho cạnh tranh; bảo vệ, tôn trọng, thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh; nhưng, đồng thời, ngăn ngừa, hạn chế độc quyền cản trở cạnh tranh và chống lại các hoạt động cạnh tranh không lành mạnh.

Lưu thông hàng hóa trong nền kinh tế thị trường (cả hàng hóa là yếu tố đầu vào của sản xuất và hàng hóa là sản phẩm do sản xuất tạo ra) được điều tiết bởi quy luật cung - cầu. Khi cung lớn hơn cầu, giá cả hàng hóa sẽ giảm xuống; khi cung nhỏ hơn cầu, giá cả hàng hóa sẽ tăng lên. Sự tăng lên hay giảm xuống của giá cả hàng hóa là tín hiệu của thị trường để những người kinh doanh thương mại chuyển hàng hóa từ nơi có giá thấp đến nơi có giá cao, từ nơi thừa đến nơi thiếu; để các nhà sản xuất thu hẹp hay dùng sản

xuất các hàng hóa thừa, cung lớn hơn cầu, tăng cường, mở rộng sản xuất các hàng hóa thiếu, cung nhỏ hơn cầu. Đây chính là sự điều tiết sản xuất và lưu thông một cách tự động, linh hoạt, nhanh nhạy của cơ chế thị trường, là mặt tích cực của quy luật cung - cầu. Nhưng, trong nền kinh tế thị trường tự do cạnh tranh, những người sản xuất và lưu thông đều chạy theo lợi nhuận tối đa, luôn muốn đẽ bẽp đối thủ, lại không xác định được tổng cầu của xã hội (từ người sản xuất đến người tiêu dùng phải qua rất nhiều khâu trung gian), nên thường xuyên sản xuất thừa, dẫn đến những cuộc khủng hoảng chu kỳ, phá hoại nền kinh tế, gây bất ổn xã hội. Đây là mặt trái của quy luật cung - cầu, của cơ chế tự điều tiết của thị trường. Trong nền kinh tế thị trường có quản lý của nhà nước, nhà nước có khả năng thấy rõ hơn từng người sản xuất kinh doanh về tổng cung, tổng cầu của xã hội; sự can thiệp của nhà nước là để khắc phục khiếm khuyết này, khắc phục những mất cân đối lớn, những cuộc khủng hoảng chu kỳ do điều tiết tự phát của cơ chế thị trường gây ra.

Quy luật giá trị là quy luật cơ bản,

trung tâm của kinh tế thị trường. Giá trị hàng hóa là lao động xã hội cần thiết kết tinh trong hàng hóa. Chi phí để sản xuất hàng hóa, xét đến cùng, là chi phí lao động, bao gồm lao động của người trực tiếp sản xuất ra hàng hóa (lao động sống) và lao động chi phí để sản xuất ra các tư liệu sản xuất được sử dụng để sản xuất ra hàng hóa này (lao động quá khứ). Về lượng giá trị, không phải mọi hao phí lao động cá biệt của những người sản xuất hàng hóa đều được xã hội thừa nhận để trở thành giá trị, chỉ những hao phí lao động ở mức trung bình xã hội, được hình thành do cạnh tranh, được xem là hao phí lao động xã hội cần thiết, mới là lượng giá trị. Giá trị biểu hiện ra bên ngoài thành giá cả, giá cả là biểu hiện bằng tiền của giá trị. Giá trị là hình thái của cải trong nền kinh tế thị trường, là mục tiêu, là yếu tố chi phối mọi hoạt động sản xuất và lưu thông hàng hóa trong nền kinh tế thị trường.

Trong kinh tế thị trường, đối với người sản xuất, việc sản xuất hàng hóa nào chỉ là phương tiện để làm giàu, để thu được nhiều giá trị nhất. Trong sản xuất, họ năng động, sáng tạo, cải tiến, đổi mới... là để nâng cao năng suất lao

động, giảm chi phí sản xuất, để chi phí sản xuất của họ thấp hơn mức hao phí lao động xã hội cần thiết, qua đó thu được nhiều giá trị hơn. Đối với người lưu thông hàng hóa cũng vậy, mua và bán hàng hóa gì đối với họ không quan trọng, vấn đề cũng là để thu được nhiều giá trị nhất, để làm giàu. Họ năng động, sáng tạo, nắm bắt kịp thời yêu cầu của thị trường, đưa hàng hóa từ nơi thừa đến nơi thiếu, từ nơi cung lớn hơn cầu đến nơi cung nhỏ hơn cầu, từ nơi giá thấp đến nơi giá cao; cải tiến quản lý để giảm chi phí lưu thông... cũng để thực hiện mục đích này. Đây là cách thức vận hành của quy luật giá trị, cách thức vận hành đó gắn bó chặt chẽ với quy luật cạnh tranh, quy luật cung cầu; có thể nói các quy luật cạnh tranh, quy luật cung cầu là những hình thức biểu hiện, cách thức vận hành của quy luật giá trị. Tác động của quy luật giá trị bao gồm những tác động của quy luật cạnh tranh và quy luật cung cầu (tất nhiên, quy luật giá trị còn có nội dung rộng hơn hai quy luật này), cả những tác động tích cực, như: thúc đẩy năng động, sáng tạo, không ngừng cải tiến quản lý, đổi mới công nghệ... thúc đẩy

kinh tế phát triển; điều tiết sản xuất, lưu thông một cách nhanh nhạy... và cả những hậu quả tiêu cực, như: khủng hoảng chu kỳ, phân hóa xã hội, cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường... Trong các nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước, sự can thiệp của nhà nước vào nền kinh tế là để tạo khung khổ pháp luật và điều kiện thuận lợi cho quy luật giá trị vận hành, đồng thời hạn chế, khắc phục những hậu quả tiêu cực này.

Trong nền kinh tế thị trường, còn có quy luật lưu thông tiền tệ, một quy luật phái sinh của quy luật giá trị. Đó là quy luật về mối quan hệ giữa hàng hóa và tiền tệ trong lưu thông, về số lượng tiền cần thiết cho lưu thông hàng hóa, bảo đảm cho lưu thông hàng hóa thuận lợi, trôi chảy. Theo quy luật này, số lượng tiền cần thiết cho lưu thông hàng hóa là do tổng giá trị hàng hóa cần lưu thông và tốc độ luân chuyển (hay tốc độ vòng quay) của tiền quyết định. Trong thời kỳ sử dụng tiền vàng, tiền có đủ giá trị, thì khi số lượng tiền vượt quá yêu cầu của lưu thông hàng hóa, tiền vàng sẽ tự động được rút khỏi lưu thông. Khi tiền giấy thay cho tiền vàng, nếu số lượng tiền vượt quá

yêu cầu của lưu thông hàng hóa, tiền sẽ mất giá, gây ra hiện tượng lạm phát. Giữ vững giá trị đồng tiền là nhiệm vụ hàng đầu của nhà nước ở các nước có kinh tế thị trường trên thế giới.

Tóm lại, trong tất cả các nền kinh tế thị trường hiện đại trên thế giới, đều có hoạt động của các quy luật kinh tế của kinh tế thị trường và có vai trò quản lý của nhà nước; nhà nước vừa bảo đảm, tôn trọng hoạt động của các quy luật kinh tế thị trường, đồng thời, vừa hạn chế, khắc phục những tác động tiêu cực, tự phát do các quy luật kinh tế thị trường gây ra, giữ môi trường ổn định cho kinh tế phát triển và hướng sự phát triển kinh tế vào các mục tiêu xã hội, bảo đảm công bằng xã hội, quan tâm đến lĩnh vực an sinh xã hội. Song, không có phê phán nào về vai trò của nhà nước, cho rằng điều này đối lập với hoạt động của các quy luật của nền kinh tế thị trường.

Ở nước ta, sau hơn 30 năm đổi mới, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của nước ta, về cơ bản, đã có đầy đủ các yếu tố của nền kinh tế thị trường hiện đại theo các chuẩn mực quốc tế: có đa dạng các hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế, tự do

kinh doanh, tự do lưu thông hàng hóa, doanh nghiệp cạnh tranh bình đẳng, hệ thống thị trường phát triển ngày càng đồng bộ...; quản lý kinh tế của nhà nước đã đổi mới, quản lý bằng luật pháp, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và sử dụng nguồn lực kinh tế của nhà nước, không can thiệp vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, giữ giá trị của đồng tiền, ổn định kinh tế vĩ mô, hạn chế khắc phục khuyết tật của cơ chế thị trường... Trong điều kiện đó, các quy luật của kinh tế thị trường đã vận hành đồng bộ: các doanh nghiệp đã phải nỗ lực cạnh tranh để tồn tại và phát triển; giá cả hàng hóa đã cơ bản do thị trường quyết định; sản xuất và lưu thông đã phải chú ý đến những tín hiệu giá cả, cung - cầu trên thị trường; thị trường đã đóng vai trò trực tiếp điều tiết sản xuất và lưu thông, điều tiết hoạt động của doanh nghiệp, huy động và phân bổ các nguồn lực của sản xuất... Các yếu tố bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường gắn liền với vai trò quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo để hạn chế, khắc phục

những tác động tiêu cực của cơ chế thị trường, để giữ vững các cân đối lớn của nền kinh tế, ổn định xã hội, gắn kết phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường... Nội dung và phương thức quản lý của nhà nước ta như vậy không mâu thuẫn, cản trở hoạt động của các quy luật của kinh tế thị trường mà tạo điều kiện phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực của các quy luật này, để nền kinh tế phát triển nhanh, bền vững, hướng tới mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

- Về những luận điểm sai lầm liên quan đến vai trò của kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể và kinh tế tư nhân trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Sai lầm của những người cho rằng nếu kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo thì không có bình đẳng giữa các doanh nghiệp trong nền kinh tế và không thể có nền kinh tế thị trường, thứ nhất, là do bị ám ảnh bởi kinh tế nhà nước trong nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp trước đây và thứ hai, là do hiểu sai về vai trò chủ đạo, cho rằng chủ đạo là

phải được ưu đãi, ưu ái của nhà nước, phải chiếm tỷ trọng lớn, chèn ép, lấn lướt các thành phần kinh tế khác. Trong nền kinh tế trước đổi mới, chỉ có kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể, không có kinh tế tư nhân (kinh tế tư nhân không được phép tồn tại); kinh tế nhà nước chiếm tỷ trọng tuyệt đối trong nền kinh tế, do nhà nước trực tiếp quản lý bằng kế hoạch hóa tập trung, thì không thể có kinh tế thị trường. Ngày nay, kinh tế nhà nước hoàn toàn khác. Kinh tế nhà nước bao gồm các nguồn lực kinh tế của nhà nước và các doanh nghiệp nhà nước. Kinh tế nhà nước là một công cụ của nhà nước, để cùng với các công cụ khác như luật pháp, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch nhà nước quản lý, điều tiết hoạt động của nền kinh tế. Các nguồn lực kinh tế của nhà nước được huy động, phân bổ, sử dụng theo yêu cầu phải phù hợp, phục vụ việc thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển đất nước; nhưng khi thực hiện phải theo cơ chế thị trường, thông qua đấu thầu cạnh tranh, có sự tham gia của doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, để việc phân bổ hợp lý, sử

dụng có hiệu quả cao. Doanh nghiệp nhà nước được nhà nước đầu tư, phát triển ở những ngành, lĩnh vực, địa bàn quan trọng về kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh của đất nước (nhất là khi các thành phần kinh tế khác không được, không muốn hay không đủ sức đầu tư), làm lực lượng tiên phong, nòng cốt cho sự phát triển ngành, lĩnh vực, địa bàn đó. Các doanh nghiệp nhà nước tự chủ, hoạt động theo cơ chế thị trường, cạnh tranh bình đẳng với doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác. Khi đã có các thành phần kinh tế khác đầu tư vào các ngành, lĩnh vực, địa bàn này và không nhất thiết phải có doanh nghiệp nhà nước, thì nhà nước có thể thoái vốn, cổ phần hóa doanh nghiệp, chuyển vốn nhà nước đầu tư vào những ngành, lĩnh vực, địa bàn quan trọng khác để thực hiện chiến lược, mục tiêu mới của nhà nước. Như vậy, vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước với ý nghĩa là công cụ quan trọng để nhà nước điều tiết, thúc đẩy, định hướng phát triển kinh tế, xã hội đất nước. Với vai trò đó, vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước không mâu thuẫn, cản trở hoạt động

của các quy luật kinh tế, với sự phát triển của kinh tế thị trường.

Trước đổi mới, kinh tế tập thể, dưới hình thức là các hợp tác xã sở hữu tập thể về đất đai và các tư liệu sản xuất chủ yếu, quản lý theo kế hoạch, phân phối theo lao động và nằm trong cơ chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp chung của đất nước thì đối lập với kinh tế thị trường. Trong những năm đổi mới, các hợp tác xã cũng đã được đổi mới cả về tổ chức và phương thức hoạt động, khác rất nhiều so với các hợp tác xã trước đây. Hợp tác xã hiện nay (hợp tác xã kiểu mới) là tổ chức kinh tế tập thể do các hộ sản xuất kinh doanh tự nguyện thành lập để làm dịch vụ cho các hộ thành viên, hỗ trợ cho các thành viên, những người sản xuất nhỏ, yếu thế khi tham gia thị trường, giúp họ nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Tùy theo năng lực của hợp tác xã và nhu cầu của các hộ thành viên, hợp tác xã có thể cung ứng các vật tư, nguyên liệu, các yếu tố đầu vào cho sản xuất của các hộ (với giá rẻ hơn, chất lượng bảo đảm hơn khi từng hộ riêng lẻ mua); đảm nhận các dịch vụ sản xuất như làm đất, chăm sóc, thu hoạch cho

các hộ thành viên (tiết kiệm cho các hộ phải mua máy móc thiết bị nhưng sử dụng không hết công suất); bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm cho các hộ thành viên (có lợi hơn cho hộ so với khi từng hộ bảo quản, chế biến, tiêu thụ); hỗ trợ các hộ thành viên vay vốn của các tổ chức tín dụng, ngân hàng... Các hợp tác xã phát triển không chỉ trong lĩnh vực nông nghiệp, mà cả trong các lĩnh vực tiểu, thủ công nghiệp, thương mại, vận tải... Các hợp tác xã từng bước tích lũy vốn, quỹ, tài sản, mở rộng quy mô hoạt động; liên kết với nhau thành hiệp hội, liên hiệp hợp tác xã theo ngành nghề, theo địa bàn hoạt động... tạo thành mạng lưới rộng khắp để hỗ trợ những người sản xuất nhỏ, đưa những người sản xuất nhỏ đi lên chủ nghĩa xã hội, phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Kinh tế tập thể với vai trò hỗ trợ cho những người sản xuất nhỏ hoạt động, phát triển trong nền kinh tế thị trường và cùng với kinh tế nhà nước, với vai trò là công cụ để nhà nước thúc đẩy, định hướng phát triển kinh tế đất nước, đi tiên phong để thu hút các thành phần kinh tế khác đầu tư vào những ngành, lĩnh vực, địa bàn quan

trọng của đất nước thì hai thành phần kinh tế này được xác định là nền tảng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là đúng đắn, không cản trở sự phát triển của các thành phần kinh tế khác, cản trở sự phát triển của kinh tế thị trường.

Về sai lầm của luận điểm cho rằng kinh tế tư nhân với vai trò là một động lực quan trọng của nền kinh tế, được khuyến khích phát triển thành các tổng công ty, tập đoàn kinh tế mạnh thì nền kinh tế không thể phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa mà sẽ trở thành nền kinh tế tư bản chủ nghĩa. Quả thật là nếu để kinh tế tư nhân phát triển một cách tự phát thì nền kinh tế thị trường nước ta sẽ đi theo con đường tư bản chủ nghĩa. Nhưng nền kinh tế thị trường nước ta có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, kinh tế tư nhân không phát triển tự phát, mà phải tuân thủ luật pháp, chính sách của nhà nước, được định hướng hoạt động phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế của nhà nước. Mặt khác, khi nhà nước khuyến khích kinh tế tư nhân phát

triển thành các tổng công ty, tập đoàn kinh tế mạnh, hoạt động ở cả trong nước và ngoài nước thì luật pháp, chính sách của nhà nước cũng định hướng các tổng công ty, tập đoàn kinh tế phát triển thành các công ty cổ phần có sự tham gia rộng rãi của các lực lượng xã hội. Bằng cách đó, Nhà nước ta sẽ đưa kinh tế tư nhân vào con đường phát triển chủ nghĩa tư bản nhà nước, một nấc thang quá độ lên chủ nghĩa xã hội, để kinh tế tư nhân đóng góp vào phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

4. Một số kiến nghị:

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn tạo cơ sở khoa học cho việc xây dựng, hoàn thiện đường lối phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta; cho công tác tư tưởng, đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, tạo sự thống nhất về chính trị tinh thần trong Đảng và toàn xã hội; củng cố và tăng cường niềm tin của nhân dân với Đảng, Nhà nước, với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của đất nước; tăng thêm động lực, quyết tâm thực hiện thắng lợi đường lối của Đảng, Nhà nước.

Việc nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn cần tập trung vào tiếp tục làm rõ những vấn đề mà thực tiễn phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta đặt ra hiện nay, chuẩn bị cho việc hình thành lý luận về phát triển kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở một nước kinh tế chưa phát triển, chưa qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa như Việt Nam. Đồng thời, cần phải nghiên cứu những vấn đề mới của thời đại, của chủ nghĩa tư bản hiện đại, những mâu thuẫn và xu hướng phát triển trên thế giới, làm rõ tính chất quá độ lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới trong thời đại ngày nay.

- Tiếp tục hoàn thiện thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, tập trung vào những vấn đề còn vướng mắc trong nhận thức, quan điểm, lúng túng trong thực hiện, như: thể chế trong huy động, phân bổ các nguồn lực để các nguồn lực được sử dụng tiết kiệm, hiệu quả; thể chế để thúc đẩy việc sắp xếp lại, đổi mới, phát triển doanh nghiệp nhà nước, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động

các hợp tác xã; hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa; xây dựng, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; thể chế cho sự ra đời các mô hình kinh doanh mới, phát triển các sản phẩm mới, đẩy mạnh ứng dụng các thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; thể chế định hướng các doanh nghiệp tư nhân phát triển theo mô hình công ty cổ phần, gắn kết các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài với doanh nghiệp trong nước, đưa các doanh nghiệp trong nước tham gia vào các chuỗi giá trị toàn cầu; thể chế để tạo thuận lợi cho tích tụ tập trung đất đai, phát triển nông nghiệp sản xuất lớn, công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái... để phát huy mặt tích cực của các quy luật của kinh tế thị trường, đồng thời củng cố, tăng cường các nhân tố bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế.

- Tiếp tục làm rõ nội dung và thực hiện có kết quả nhiệm vụ chiến lược cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong bối cảnh mới để phát triển đất nước nhanh, bền vững. Cái thiếu nhất

đối với nước ta, cũng như các nước kinh tế kém phát triển, chưa qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa nói chung, quá độ lên chủ nghĩa xã hội là cơ sở vật chất kỹ thuật, là trình độ phát triển của nền kinh tế (việc hoàn thiện thể chế, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa cùng hướng tới thực hiện mục tiêu này); bởi xét đến cùng năng suất lao động là yếu tố quyết định sự thắng lợi của một chế độ xã hội. Nhận thức rõ điều này, Đảng, Nhà nước ta đã đề ra nhiệm vụ đẩy mạnh công nghiệp hóa, cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng; việc thực hiện tuy có đạt một số kết quả, nhưng chưa đạt yêu cầu, mục tiêu đề ra. Trong bối cảnh mới, nguy cơ chưa giàu đã già, rơi vào bẫy thu nhập trung bình, tụt hậu xa hơn về kinh tế so với thế giới đối với nước ta là rất lớn. Vượt qua thách thức này, nguy cơ này là yêu cầu cấp bách hàng đầu của nước ta trong những năm tới.

- Tập trung vào đổi mới, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nâng cao chất lượng luật pháp, cơ chế chính sách, chiến lược, quy

hoạch, kế hoạch trong lĩnh vực kinh tế; rà soát, khắc phục những chồng chéo, mâu thuẫn, những điểm mơ hồ, bất hợp lý, không khả thi, tình trạng luật pháp mới ban hành, chờ thực hiện đã phải sửa đổi, bổ sung, tình trạng luật chờ nghị định, nghị định chờ thông tư... Đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là thủ tục hành chính, xóa bỏ những thủ tục hành chính không hợp lý, gây khó khăn cho người dân và doanh nghiệp. Nâng cao trách nhiệm cá nhân, kỷ luật, kỷ cương trong thực hiện công vụ, trong tổ chức thực hiện. Xây dựng tổ chức bộ máy quản lý nhà nước tinh gọn, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức nhà nước, đẩy nhanh việc sử dụng các công cụ, phương thức quản lý hiện đại ở các cơ quan quản lý kinh tế nhà nước các cấp. Điều này gắn liền với nhiệm vụ xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, nhân tố quyết định đối với sự ổn định, phát triển của đất nước, với thành công của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ mới ■



GIẢI QUYẾT MÂU THUÃN, XUNG ĐỘT XÃ HỘI HIỆN NAY

● TS ĐÀO QUANG VINH

Nguyên Viện trưởng Viện Khoa học Lao động và Xã hội

1. Nhận thức về kiểm soát, xử lý mâu thuẫn, xung đột xã hội

Nền kinh tế thị trường (và nói chung mọi nền kinh tế) đều có 2 mặt: tích cực và tiêu cực. Cạnh tranh là chất xúc tác có tác dụng kích thích tính năng động sáng tạo, huy động tối đa tiềm lực trí tuệ của con người, cộng đồng và xã hội. Song cạnh tranh cũng làm xuất hiện những thứ không lành mạnh như chủ nghĩa cá nhân cực đoan, tính cơ hội và nói chung là thói ích kỷ, sự xấu xa vốn là mặt trái trong bản năng của con người. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nhận xét: “mỗi con người đều có cái thiện và cái ác ở trong lòng”. Mâu thuẫn và

xung đột xã hội cũng từ đây mà ra. Mọi mâu thuẫn xã hội đều có nguồn gốc từ mâu thuẫn giữa các cá nhân, nhóm, cộng đồng, tầng lớp, giai cấp, quốc gia mà ra. Theo “Từ điển sơ lược xã hội học”, xung đột xã hội là giai đoạn phát triển cao nhất của mâu thuẫn trong hệ thống các quan hệ giữa con người, các tập đoàn xã hội, các thiết chế xã hội, xã hội nói chung; được đặc trưng bằng sự đẩy mạnh các khuynh hướng và lợi ích đối lập nhau giữa các cộng đồng xã hội và các cá nhân với nhau.

Nhiều mâu thuẫn và xung đột hôm nay còn là sự tích tụ của mâu thuẫn và xung đột trước đây, là kết

quả của việc xử lý các mâu thuẫn và xung đột trước đây. Xung đột xã hội là một hiện tượng đã tồn tại lâu dài trong lịch sử và sẽ còn tồn tại cùng với sự phát triển của xã hội loài người. Xung đột xã hội một mặt là hiện tượng khách quan, tất yếu, mặt khác là kết quả của hoạt động có chủ đích của con người. Do đó, vấn đề là phải thấy được quá trình vận động và sự đấu tranh của 2 mặt thiện ác, giữa cái tốt và cái xấu, giữa cái đúng và cái sai và quan trọng hơn là phải làm cho cái tốt, cái đúng được thắng thế, được phát huy, được đơm hoa kết trái.

Quá trình phát triển luôn có sự chuyển đổi các giá trị đạo đức và mối quan hệ giữa đạo đức và pháp luật và điều này đòi hỏi phải giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa đạo đức và pháp luật trong quản lý phát triển xã hội. Hê ghen nói: “đạo đức là hình thái cao nhất trong sự phát triển của ý niệm pháp lý”. Do đó, khi nói đến kiểm soát, xử lý mâu thuẫn, xung đột xã hội thì không thể không bàn đến mối quan hệ gắn bó hữu cơ giữa đạo đức và pháp luật. Ở đây xuất hiện 2 câu hỏi (1) đạo đức bàn ở đây là đạo đức nào và (2) pháp luật là phục vụ

ai. Để kiểm soát, xử lý mâu thuẫn, xung đột xã hội nhất thiết phải có các bộ công cụ mà trước hết là các chuẩn mực và quy phạm; cần có hệ thống kiểm soát, xử lý mâu thuẫn, xung đột xã hội vận hành với các thiết chế phù hợp và con người đủ năng lực (thể lực, trí lực và tâm lực). Việc giải quyết mâu thuẫn và xung đột xã hội có thể thúc đẩy hoặc kìm hãm xã hội vận động theo hướng phát triển hơn. Đối với chúng ta, đương nhiên là xây dựng đạo đức và pháp luật trên cơ sở quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin và quan hệ giữa đạo đức và pháp luật là trong phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.

2. Những mâu thuẫn, xung đột xã hội, nguyên nhân và các giải pháp xử lý trong thời gian vừa qua.

Trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển của đời sống kinh tế - xã hội, mâu thuẫn và xung đột xã hội đang có chiều hướng gia tăng trên rất nhiều lĩnh vực, tính chất của các xung đột xã hội cũng ngày càng phức tạp. Ngoài ra, cuộc sống nhiều áp lực, căng thẳng khiến con người dễ bị tổn thương về mặt tâm lý, bị ức chế, dễ dẫn đến xung đột xã hội:

(1) Trong lĩnh vực kinh tế: tranh chấp đất đai (giữa cá nhân với cá nhân, giữa cá nhân với tập thể, giữa cá nhân với các cơ quan quản lý nhà nước, giữa các cộng đồng, nhóm người với nhau về giải tỏa, đền bù); tranh chấp hợp đồng kinh tế; phân chia tài sản...

(2) Trong lĩnh vực xã hội: chính sách, chế độ xã hội và thực hiện chính sách. Những xung đột này thường xảy ra giữa các cá nhân, các nhóm dân cư, các nhóm xã hội với các cơ quan thực thi chính sách, pháp luật ở địa phương. Sự đòi hỏi của người dân không được giải quyết một cách thỏa đáng các vấn đề của mình cũng có thể dẫn tới xung đột xã hội.

(3) Trong lĩnh vực y tế (giữa bệnh nhân, người nhà bệnh nhân với bác sĩ, với cơ quan y tế). Nhiều xung đột cũng xảy ra giữa các cộng đồng dân cư (làng, xóm, dòng họ...) với các cơ quan thực thi quyền lực.

(4) Trong lĩnh vực giao thông, xung đột xảy ra khá phổ biến, nhất là ở các đô thị lớn (do mật độ giao thông đông, người sử dụng phương tiện giao thông chưa có ý thức, văn hóa thấp kém của người tham gia giao

thông, tình trạng tắc đường); thu phí BOT; đền bù giải phóng mặt bằng,...

(5) Trong lĩnh vực giáo dục: dạy thêm học thêm; các khoản phí; trường công trường tư; chi phí và chất lượng; chất lượng và bằng cấp;

(6) Trong lĩnh vực văn hóa, các xung đột diễn ra trong các lễ hội (như lễ hội đền Trần, lễ hội đền Gióng...). Những vụ việc tranh chấp, xô xát liên quan đến các di tích lịch sử văn hóa, cơ sở thờ tự của các tín ngưỡng, tôn giáo không phải là ít.

(7) Trong lĩnh vực tôn giáo: tranh chấp về đất đai, xây dựng cơ sở thờ tự, truyền đạo trái pháp luật, vi phạm luật pháp hiện hành về tôn giáo, chú không phải do nguyên nhân xung đột về niềm tin tôn giáo.

(8) Trong lĩnh vực môi trường: xung đột giữa các cộng đồng dân cư với các công ty, doanh nghiệp hủy hoại môi trường. Trong thời gian tới, dưới tác động của ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, các thảm họa môi trường, thảm họa do thiên tai mang lại sẽ có nhiều hơn các cuộc xung đột xã hội trong lĩnh vực môi trường.

(9) Trong gia đình: xung đột giữa vợ và chồng, giữa cha mẹ và con cái,

giữa các anh chị em. Những xung đột xã hội ở cấp độ cá nhân, gia đình đang ngày càng mở rộng và phức tạp.

(10) Trong quan hệ lao động giữa người lao động và chủ sử dụng lao động: tranh chấp lao động cá nhân, tranh chấp lao động tập thể liên quan đến hợp đồng lao động, tiền công, thời gian làm thêm, điều kiện lao động, bảo hiểm xã hội, phúc lợi xã hội; vấn đề đình công.

Có thể thấy các mâu thuẫn và xung đột ở nước ta đều liên quan đến quyền và lợi ích của các bên. Trình độ nhận thức của người dân được nâng cao, thông tin được minh bạch hơn, Nhà nước tăng cường và đẩy mạnh dân chủ, người dân ngày càng phát huy vai trò làm chủ của mình, tham gia nhiều hơn vào quá trình giám sát xã hội, phản biện xã hội cũng làm lộ ra nhiều mâu thuẫn và xung đột xã hội.

Đặc biệt, những xung đột xã hội có nội dung đấu tranh, đòi hỏi về dân chủ, công khai, công bằng trong thực hiện các quyền, nghĩa vụ và chống quan liêu, tham nhũng, làm sai chính sách, pháp luật của một bộ phận cán bộ trong các tổ chức Đảng, chính quyền có chiều hướng tăng.

3. Nguyên nhân dẫn đến xung đột xã hội

(1) Những mâu thuẫn về lợi ích kinh tế (xuất hiện nhiều hơn với mức độ, quy mô khác nhau, tính chất khác nhau) đã dẫn đến những xung đột xã hội không thể tránh khỏi. Đây là nguyên nhân phổ biến của các xung đột xã hội ở nước ta thời gian gần đây.

(2) Sự biến đổi về mặt xã hội như tình trạng phân tầng xã hội, phân hóa giàu nghèo, bất bình đẳng xã hội. Sự phát triển kinh tế xã hội, sự gia tăng quá trình đô thị hóa, hiện đại hóa đã phá vỡ những cấu trúc xã hội truyền thống (như cấu trúc làng, xã, cấu trúc gia đình...) cũng là nguyên nhân gây nên xung đột xã hội. Tâm lý xã hội khủng hoảng, bức xúc xã hội, các vấn đề an ninh phi truyền thống. Đạo đức xuống cấp, lối sống thực dụng, chủ nghĩa khủng bố.

(3) Môi trường tự nhiên (như ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, phá rừng) cũng chứa đựng những mầm mống gây xung đột xã hội.

(4) Một số chính sách, pháp luật trong lĩnh vực đất đai, kinh doanh,

lao động, an sinh xã hội, quản lý xã hội và bảo đảm quyền lợi cho người dân chưa được đồng bộ, nhất quán, còn bất cập, gây bức xúc trong cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân.

(5) Thiếu hệ thống các chuẩn mực đạo đức để làm thước đo: đạo đức công vụ; đạo đức trong chính trị; đạo đức trong kinh doanh; chuẩn mực ứng xử trong gia đình, cơ quan, xã hội để giáo dục và xử lý các mẫu thuẫn xã hội.

(6) Một số cuộc xung đột xã hội còn có sự tham gia, xúi giục, tổ chức của các thế lực thù địch trong và ngoài nước, tìm cách kích động biểu tình, bạo loạn, tạo cơ gây xung đột xã hội để can thiệp.

(7) Cách thức giải quyết mâu thuẫn và xung đột

- Sự yếu kém của hệ thống chính trị ở cơ sở tại một số địa phương; sự thoái hóa biến chất của một số cán bộ, cả cán bộ lãnh đạo, quản lý; tình trạng chính quyền quan liêu, tham nhũng, mất dân chủ, cố ý làm sai chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước; cách giải quyết những đòi hỏi, bức xúc, nguyện vọng của nhân dân không hợp tình, không hợp lý, không dứt điểm; sự sai sót trong công tác

giải quyết khiếu nại, tố cáo và tranh chấp trong nội bộ nhân dân; sự bất cập trong việc thực thi pháp luật,...

- Hình sự hóa quan hệ kinh tế, hành chính, dân sự. Thực hiện truy tố quan hệ kinh tế, dân sự không đúng bản chất khách quan của hành vi, đã xảy ra trên khắp cả nước như vụ chủ quán cà phê Xin chào Nguyễn Văn Tấn ở TP.HCM, doanh nhân Hoàng Minh Tiến (Hà Nội), Phùng Thị Thu (Thái Bình), Nguyễn Văn Lượng (Nam Định),... bị “khép” các tội danh trốn thuế, lừa đảo, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản oan khuất, gây hoang mang, sợ hãi trong không chỉ giới doanh nghiệp. Việc hình sự hóa quan hệ dân sự, kinh tế tại Ngân hàng Nam Á (Nam A Bank) tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Cách tiếp cận không hợp lý như giải quyết đình công tại các doanh nghiệp (hành chính thay vì thương lượng); cai nghiện ma túy (tội phạm hay con bệnh); người trực tiếp xử lý thiếu chuyên nghiệp, thiếu hiểu biết,... dẫn đến một tỷ lệ lớn mâu thuẫn, xung đột chỉ được giải quyết phần nào (chủ yếu là phần ngọn) chứ không giải quyết được triệt để, điều

này đã tạo ra những nhân tố gây mất ổn định xã hội. Ngoài ra, vai trò của các tổ chức đoàn thể trong giải quyết mâu thuẫn, xung đột xã hội còn rất hạn chế.

4. Giải pháp giải quyết, hạn chế, giảm nhẹ mâu thuẫn, xung đột xã hội trong giai đoạn mới

Khi nói đến giải quyết mâu thuẫn và xung đột xã hội, tức là nói đến vai trò quyết định của nhà nước, của chính quyền; sự tham gia của các tổ chức xã hội chỉ có vai trò hỗ trợ.

(1) Các mâu thuẫn và xung đột xã hội đều có nguyên nhân gốc rễ, do đó các mâu thuẫn và xung đột xã hội chỉ có thể được giải quyết triệt để khi xử lý được vấn đề gốc rễ của nó. Điều này đòi hỏi phải có cách tiếp cận, phương pháp và bộ công cụ giải quyết phù hợp với từng loại mâu thuẫn và xung đột xã hội cụ thể.

(2) Cần xây dựng một hệ thống chuẩn mực đạo đức được thực hành rộng rãi và quy phạm pháp lý chặt

chẽ được tôn trọng, đồng thời nâng cao năng lực và hiệu quả của bộ máy nhà nước trong xây dựng và thực thi những nguyên tắc đạo đức và pháp luật.

(3) Yếu tố con người. Cần thực thi đạo đức công vụ, văn hóa trong chính trị, văn hóa trong kinh tế và đảm bảo thượng tôn luật pháp. Xây dựng đạo đức và pháp luật trong sự thấm nhuần bản sắc văn hóa dân tộc. - Thực hiện đúng nguyên tắc tiến bộ và công bằng xã hội trong giải quyết, hạn chế, giảm nhẹ mâu thuẫn, xung đột xã hội.

(4) Cần xây dựng hệ thống kiểm soát quyền lực và phát hiện xung đột lợi ích hiệu quả, tránh chủ nghĩa hình thức, chủ nghĩa tập thể. Quy định trách nhiệm cá nhân khi xử lý các mâu thuẫn và xung đột xã hội.

(5) Không hình sự hoá quan hệ kinh tế, hành chính, dân sự.

(6) Cần làm tốt công tác dự báo nguy cơ xuất hiện xung đột xã hội để sớm hóa giải những mầm mống gây xung đột xã hội ■

KỶ HỌP THỨ 13 HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG



Toàn cảnh Kỳ họp thứ 13 Hội đồng Lý luận Trung ương _ Ảnh: TL

Ngày 28-5-2020, tại Hà Nội, Hội đồng Lý luận Trung ương tổ chức Kỳ họp thứ 13 thảo luận về chủ đề “Những vấn đề còn ý kiến khác nhau trong dự thảo Báo cáo chính trị tại Đại hội XIII của Đảng”, nhằm tiếp tục hoàn chỉnh Dự thảo Báo cáo chính trị Đại hội XIII của Đảng. GS, TS Nguyễn Xuân Thắng, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh chủ trì kỳ họp.

Việc chuẩn bị dự thảo Báo cáo chính trị Đại hội XIII của Đảng đã được Tiểu ban Văn kiện và Tổ Biên tập Tiểu ban thực hiện hết sức công phu, nghiêm túc, trong suốt 2 năm qua. Tiểu ban và Tổ Biên tập đã nghe, chất lọc, tiếp thu ý kiến của lãnh đạo nhiều ban, bộ, ngành Trung ương, các địa phương, các cơ quan nghiên cứu, các đồng chí lãnh đạo, nguyên lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các chuyên gia, nhà khoa học, các tập đoàn kinh tế nhà nước và tư nhân. Tiểu ban đã nhiều

lần báo cáo Bộ Chính trị, Bộ Chính trị đã 2 lần báo cáo xin ý kiến Trung ương tại Hội nghị Trung ương 10 và 11 vào tháng 5 và tháng 10-2019. Sau mỗi lần xin ý kiến các cơ quan lãnh đạo của Đảng, Dự thảo Báo cáo được điều chỉnh, bổ sung, những vấn đề còn ý kiến khác nhau ngày càng thu hẹp, sự thống nhất ngày càng cao, chất lượng Báo cáo ngày càng tăng lên. Dự thảo Báo cáo chính trị hiện nay đã được Hội nghị Trung ương 11 thông qua. Tuy nhiên, đến nay, trong thảo luận của Trung ương và tập hợp bước đầu ý kiến của các nhà khoa học, vẫn còn một số vấn đề có ý kiến khác nhau, cần được tiếp tục làm rõ để hoàn thiện hơn dự thảo Báo cáo trước khi trình Đại hội Đảng.

Tại kỳ họp 13, các đại biểu tham dự Hội thảo đã tập trung thảo luận sâu vào các nội dung: (1) Về Chủ đề Đại hội

XIII; (2) Về dự báo tình hình thế giới và đất nước những năm sắp tới; (3) Về mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể năm 2025, 2030 và năm 2045; (4) Về các quan điểm chỉ đạo; (5) Về những nhiệm vụ trọng tâm và khâu đột phá chiến lược; (6) Về định hướng phát triển các lĩnh vực.

Tại kỳ họp 13, các đại biểu tham dự Hội thảo đã tập trung thảo luận sâu vào các nội dung: (1) Về Chủ đề Đại hội XIII; (2) Về dự báo tình hình thế giới và đất nước những năm sắp tới; (3) Về mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể năm 2025, 2030 và năm 2045; (4) Về các quan điểm chỉ đạo; (5) Về những nhiệm vụ trọng tâm và khâu đột phá chiến lược; (6) Về định hướng phát triển các lĩnh vực.

Phát biểu kết luận Kỳ họp, đồng chí Nguyễn Xuân Thắng biểu dương, đánh giá cao tinh thần trách nhiệm của các nhà khoa học và trân trọng ghi nhận những ý kiến có giá trị góp vào việc hoàn thiện các dự thảo Văn kiện Đại hội XIII của Đảng.

Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương sẽ tiếp thu nghiêm túc ý kiến của các đại biểu, chỉ đạo hoàn thiện báo cáo trình Bộ Chính trị, Ban

Bí thư, Tiểu ban Văn kiện Văn kiện nhằm phục vụ kịp thời việc hoàn thiện dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng ■

TỌA ĐÀM KHOA HỌC

"MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN - THỰC TIỄN VỀ ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG"



Nhằm góp phần vào việc tiếp tục bổ sung, hoàn thiện dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội XIII của Đảng, ngày 2-6-2020, Tiểu ban Chính trị Hội đồng Lý luận Trung ương đã tổ chức tọa đàm chuyên gia về chủ đề “*Một số vấn đề lý luận - thực tiễn về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng*”. GS, TS Phùng Hữu Phú, Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng chủ trì. Cuộc

tọa đàm này nằm trong chuỗi 13 cuộc tọa đàm được Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương xây dựng, tổ chức nhằm góp phần tiếp tục đóng góp, hoàn thiện các Văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng.

Để làm rõ căn cứ trao đổi, thảo luận về chủ đề đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, trong phát biểu đề dẫn, PGS, TS Nguyễn Viết Thông, Tổng Thư ký Hội đồng đề nghị bám sát

đánh giá của Dự thảo Báo cáo Chính trị trình Đại hội XIII của Đảng về việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trong nhiệm kỳ Đại hội XII.

Về ưu điểm: Phương thức lãnh đạo của Đảng tiếp tục được đổi mới. Đã ban hành và thực hiện nhiều quy định bảo đảm giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, đề cao nguyên tắc pháp quyền, phát huy tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; Đổi mới cách học tập, quán triệt nghị quyết, coi trọng việc lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện nghị quyết của Đảng; Việc đổi mới phong cách, lề lối làm việc của các cơ quan lãnh đạo của Đảng từ Trung ương tới cơ sở có bước tiến bộ; Coi trọng việc phát huy vai trò, trách nhiệm của các tổ chức đảng, đảng viên, nhất là người đứng đầu cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội.

Về hạn chế, khuyết điểm: Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị, trọng tâm là đối với Nhà nước còn chậm đổi mới, có mặt còn lúng túng;

Cơ chế kiểm soát quyền lực trong Đảng và Nhà nước chưa đầy đủ, đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả chưa cao.

Những hạn chế, khuyết điểm trong quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội XII có *nguyên nhân khách quan*, song trực tiếp và quyết định nhất là do *nguyên nhân chủ quan*.

Bằng thực tiễn, kinh nghiệm lãnh đạo, quản lý phong phú, sâu sắc và nhiệt huyết vẹn đầy với Đảng, với sự nghiệp đổi mới, các chuyên gia tham dự tọa đàm đã tập trung trao đổi, đi sâu, làm rõ hơn các khía cạnh lý luận, thực tiễn những vấn đề đặt ra, đó là: Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước với tư cách Đảng cầm quyền; về đẩy mạnh việc phân cấp, phân quyền gắn với cải cách hành chính và kiểm tra, giám sát, kiểm soát chặt chẽ quyền lực trong Đảng; về xây dựng và thực hiện phong cách làm việc khoa học, dân chủ, hiệu quả trong điều kiện Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và bối cảnh hậu Covid-19; về đổi mới, nâng cao chất lượng xây dựng, ban hành, thực hiện nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ■

PV